

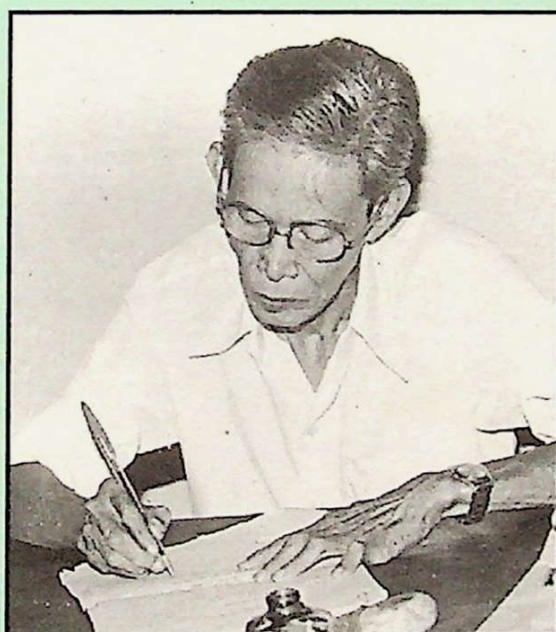
895.922 808

ĐC

L 302 V

LY VĂN SÂM

TOÀN TẬP



BÙI QUANG HUY
SƯU TẦM, CHÚ THÍCH VÀ GIỚI THIỆU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

V23	
DN-2002	365-2002

LÝ VĂN SÂM

toàn tập

* *

(Truyện vừa)

BÙI QUANG HUY sưu tầm,
chú thích và giới thiệu

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
XBP ĐỊA PHƯƠNG

2018/BC/VV 00001201

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

MƯỜI LĂM NĂM HẬN SỬ

*Một truyện ly kỳ đã xảy ra trong một
khu rừng rậm ở miền Nam nước Việt.*

Về văn bản *Mười lăm năm hận sử*

Truyện dài đường rừng *Mười lăm năm hận sử* (MLNHS) được nhà văn Lý Văn Sâm viết vào năm 1942. Đến năm 1947, Nxb Nam Việt in lần đầu với lời *Tựa* của nhà thơ Hoàng Tấn. Khi ấy, đôi bạn văn chương Lý Văn Sâm–Hoàng Tấn đang ở chung một nhà tại Sài Gòn. Sau năm 1975, Nxb. Trẻ tái bản (1989) với *Lời giới thiệu* của Nguyễn Văn Y. Trước khi tái bản, vào năm 1988, nhà văn Lý Văn Sâm đã sửa chữa một số chỗ.

So với bản năm 1947, bản 1989 có thêm phần mở đầu (*Trên đường về*), gần bốn trang, và *Đoạn kết*. Đó là hai thay đổi quan trọng nhất của lần tái bản vì khi ấy toàn bộ câu chuyện trong MLNHS trở thành câu chuyện xưa của người đương thời là một “anh bộ đội trẻ”. Còn MLNHS trước đó, thuần túy là một truyện đường rừng. Tuy nhiên, những thay đổi này cùng với một vài thay đổi mang tính chất “nhuận sắc” về kỹ thuật không ảnh hưởng đến nội dung cốt truyện MLNHS.

Lần tái bản này, chúng tôi chọn bản in năm 1989 của Nxb. Trẻ, đối chiếu với bản do nhà văn Lý Văn Sâm đánh máy năm 1988 và nhất là bản năm 1947 của Nxb. Nam Việt. Một số phương ngữ mà lần in năm 1989 có thay đổi theo chuẩn chính tả, từ vựng hay chuẩn phát âm, khi cần thiết, chúng tôi giữ lại để bạn đọc hiểu hơn chất Nam bộ ở văn chương Lý Văn Sâm.

Xin giới thiệu lại lời *Tựa* của nhà thơ Hoàng Tấn để lưu giữ kỷ niệm đẹp của đôi bạn văn chương này.

Bản in năm 1947 của Nxb. Nam Việt gọi tắt là: Bản 1947

Bản in năm 1989 của Nxb. Trẻ gọi tắt là: Bản 1989.

TỰA

HOÀNG TẤN

...Sau một thời gian, ngót mười năm, nhất là sau những biến cố liên tiếp vừa qua, cái tên Lý Văn Sâm (xin đừng lộn ông Nguyễn Văn Sâm) tưởng đã tự giới thiệu với các bạn nhiều lắm rồi vậy.

Trước đây đã có lần tôi nói đến ông Lý Văn Sâm. Lần ấy tôi không dám rườm rà, âu cũng bởi đối lòng hờ hững, vì tôi cũng đồng ý với Trần Thanh Mai: một thiên tài cũng như một nhánh cây đầy mãnh lực, đang gặp thời phát triển, ta phải để yên cho nó chầm búp, chồi hoa. Chớ có đại cột nó vào, nó sẽ cần mất.

Sau cuộc cách mạng ở Nam phần Việt Nam, chưa có một văn nhân nào xuất sắc sau ông Lý Văn Sâm.

Trước cuộc cách mạng, tên ông đã có tiếng vang trong nước rồi, nhất là ở Hà Nội, thủ đô của văn học nước nhà. Với một lối văn hoàn toàn riêng biệt, ở cảnh cũng như ở tình, ngay buổi đầu làm duyên với các bạn bốn phương, ông đã được các bạn dành riêng cho một ngưỡng mộ không bờ. Những mỹ tình ấy quả là xứng đáng.

Đề cập đến rừng, nhà văn Lan Khai thường dùng loại văn bay bướm trai lơ. Cảnh rừng rú của Lan Khai là cảnh hiền lành êm diu, thẳng hoặc có sóng gió là do sự xúc động của tác giả trong tư tưởng mà ra.

Nói đến rừng, văn sĩ Lê Văn Trương thường đem những danh từ rất hùng hồn nhưng trống rỗng, rất bí mật nhưng cũng như ban ngày. Những cuộc đi săn, đi bắn của ông Phủ, cụ Trần, những cuộc gặp gỡ rất vô lí của sinh viên nọ với tiểu thư kia ở nơi thâm sơn

cùng cốc đâu có gọi cho người đọc cái gì là huyền bí, là đặc sắc của rừng.

Hai nhà văn cũng tả cảnh núi rừng theo hai lối hành văn khác nhau nhưng tựu trung họ vẫn không gây ảnh hưởng gì cho người đọc sau khi quyển sách rời tay. Bởi họ dù là cả "mười năm luân lạc", vẫn không đi sâu vào rừng núi, không có những lúc say với máu trong rừng thẳm, nên họ không lĩnh hội được triệt để tiếng nói linh thiêng của núi rừng.

Ông Lý Văn Sâm sinh trưởng trong rừng, cư ngụ trong rừng, những dải rừng bát ngát mênh mông ở nơi tuyệt tái biên thùý, những dải rừng rùng rợn thâm u mà hàng năm phải là người can trường lắm mới dám bén mảng đến. Thổ dân hầy còn đường như thuở sơ khai, cuộc sống của họ vây bọc bởi non xanh, nước biếc, không hề bao giờ tiếp xúc với cuộc sống ồn ạt bên ngoài. Chính ở nơi ấy, ông Lý Văn Sâm đã gây lại thực trạng của cuộc sống hoang vu tựa thời thái cổ của những người mọi Stiêng, những giống thổ Tróm - Kuang... để hiến cho bạn đọc những cảnh hoàn toàn mới lạ. Những vụ đâm chém kinh hồn, những vụ trả thù dã man và hiểm độc, những vụ thảm tình trên máu, những cuộc xung đột éo le gây nên bởi tình cảm dưới ngọn bút vô cùng điêu luyện của ông Lý Văn Sâm quả là đã luyến được lòng độc giả.

Với lối văn riêng biệt, niềm kín bao la một ý niệm tranh đấu - tranh đấu ngay trong thời kỳ lệ thuộc - dài văn học Việt Nam hẳn đã giành cho ông một chỗ ngồi xứng đáng.

Truyện đầu tiên mà hôm nay ông Lý Văn Sâm hiến cho độc giả là *Mười lăm năm hận sử*. Đó là một truyện thuộc loại *xung đột vì bốn phận*, sẽ làm say mê độc giả từ đầu chí cuối bằng những sự gặp gỡ bất ngờ của các địch nhân.

Xin mời các bạn mở trang đầu . . .

Phiên hạ trấn, tháng tư nguyệt tận, năm Đinh Hợi

Trên đường về...

Khi đoàn quân tiên phong của bộ đội “Hải ngoại”⁽¹⁾ đặt chân lên phần đất ranh giới Xiêm–Miên thì trời vừa rạng sáng. Cả một rừng chim véo von gọi bạn lên đường, và ngời ca một ngày quang đặng bắt đầu. Bấy giờ người ta mới phân biệt được màu sắc cây cỏ chung quanh mình. Ngàn trùng sương tía bốc hơi nghi ngút trên những cây cổ thụ “sói đầu”. Hối này lá khởi sự từ già cành cây để cho trời đất vào thu. Lá rụng theo gió, phời phời rớt theo cánh chim bay, xa trông như những tờ lịch rụng, xóa gập những ngày hè còn sót lại trên những ngó sen tàn.

Dọc theo con đường lữ thứ, hoa bằng lăng buông cánh tím tím lên những mái nhà Xiêm còn ngái ngủ. Ánh đèn chong chưa có người tắt hầy còn leo lét sau vách nửa trên các nhà sàn.

Viên đoàn trưởng cùng các bạn đồng hành kéo nhau vào một ngôi nhà thủy tạ nằm cheo leo bên bờ một con suối lớn hình như đã lâu vắng khách thừa hương⁽²⁾. Một vài anh em nhốn nháo hỏi nhau:

(1) Bộ đội do Việt kiều tổ chức trở về nước tham gia kháng chiến chống Pháp.

(2) Nơi nghỉ mát.

– Đã tới chưa?

Viên đoàn trưởng nhìn từng người một, mỉm cười âu yếm trả lời:

– Chúng ta còn phải đi qua hai vương quốc và một dãy núi lớn nữa mới tới đất nước nhà. Đây là...

Một gã thanh niên, dáng dấp mảnh khảnh như một người con gái, ngắt lời viên trưởng đoàn:

– Đây là... con sông Cửu Long, bắt nguồn từ miền Tây Tạng trải qua bao nhiêu dặm đường mới trườn mình xuống tới vùng bình nguyên của miền Nam nước ta. Bên kia sông là Vương quốc Lào và bên kia dãy Trường Sơn, đỉnh núi chìm trong mây mù, là miền Trung nước Việt...

Viên trưởng đoàn sửa lại bọc hành lý đeo bên vai, vừa cười vừa khen:

– Đồng chí Nguyên rành địa dư lắm.

Gã thiếu niên cười đắc chí, nhíu mày nói nhỏ:

– Tuy phải xa quê hương nhiều năm, nhưng không lúc nào là lúc tôi quên lãng hình cây, bóng núi nơi cố quán. Quê hương đã khắc sâu trong lòng tôi bao kỷ niệm êm đềm. Nước sông Mé Nam dầu ngọt nhưng sao ngọt bằng nước sông Đồng Nai, miền cố địa? Sống gỏi đất người, dầu no ấm đến mức nào, lòng vẫn luôn thấy lạnh...

Viên đoàn trưởng cảm động nói lời:

– Thì nay là lúc chúng ta trở về xứ sở, sống hiên ngang trên mảnh đất quê hương với những ngày tự chủ. Không còn bao lâu nữa, chúng ta sẽ được đặt bàn chân ly hương lên miền đất nhau rún của chúng ta, dưới bầu trời đầy mùi hương cau và hoa bưởi. Từ đây chúng ta sẽ bước vào những đoạn đường gay go, hiểm trở không kém đoạn

đường đã qua. Như chương trình đã vạch ra, chúng ta phải tự tạo lấy lương phạn⁽¹⁾ mà dùng, gặp sự cản trở phải gắng sức lướt lên để giành đường đất, nghĩa là chúng ta phải chiến đấu với thời tiết, với bệnh tật, với thú rừng, với tất cả trở ngại, gian nan.

Sau chừng một phút im lặng, viên đoàn trưởng bùi ngùi nói tiếp:

– Phận ta đã yên rồi. Nghĩ thương những anh em xấu số đã ngã gục nửa đường lam chướng... Chúng ta còn phải đợi bộ phận “hồi hương” thứ hai tới đây để trù hoạch phương lược tiến, thối khi đặt chân vào đất nước nhà. Hiện giờ tôi rất cần hai chiến sĩ can đảm lãnh nhiệm vụ đi trước dò đường.

Cả đoàn nhôn nhao đòi được đi. Sau cùng viên trưởng đoàn kết thúc cuộc tuyển chọn: một Nguyên thuộc đường lối với một Lê rành thổ âm. Hai chiến sĩ trẻ này sẽ vượt sông Cửu Long trong nội buổi sáng nay, sau bữa ăn lót lòng. Duy có một điều khiến viên đoàn trưởng băn khoăn suy nghĩ:

– Khi qua sông rồi, đồng chí Nguyên và em Lê phải dùng ngựa xuôi hạ Lào mới kịp bước đoàn “hồi hương” thứ ba. Có lẽ họ đang trên đường tới Siem-Réap. Nguyên trước kia có theo gánh xiếc thì cỡi ngựa được là cái chắc. Còn em Lê? Em liệu sao cho ổn việc?

Gã thiếu niên trẻ nhất đoàn cất tiếng cười vang rừng:

– Em chỉ sợ anh Nguyên không cỡi ngựa giỏi hơn em! Cỡi trên lưng ngựa xiếc khác hẳn với cách cỡi trên lưng

(1) Thức ăn (cũ).

ngựa thiên lý mã vượt qua rừng bụi đầy những chông gai và hầm hố.

– Nhưng mà anh có thấy Lê cỡi ngựa bao giờ đâu!

Lê càng cười lớn:

– Anh vẫn chưa tin em sao? Và các anh nữa! Các anh đâu ngờ rằng trong thời niên thiếu, em đã trải qua một kỷ niệm đầy máu và nước mắt, suýt nữa tưởng rằng đời em đã bị chôn vùi trong những hóc núi, xó rừng tăm tối...

Viên đoàn trưởng vuốt tóc Lê, giọng âu yếm:

– Ủ, anh rõ rồi! Nhân dịp này, Lê kể cho anh em cùng nghe chuyện của Lê đi. Chắc là một chuyện lý thú. Chúng ta là một bầy chim lạc loài. Mỗi chúng ta đều mang trong mình nhiều vết tích quá khứ. Chúng mình vừa ăn sáng vừa nghe em Lê kể chuyện. Đồng ý không nào?

Khi cả bọn ngồi vào bữa ăn sáng, viên đoàn trưởng nhắc Lê:

– Vừa ăn vừa kể chuyện nghe em Lê. Nào! Bắt đầu đi.

Lê ngược mắt nhìn trời. Một con hồng hoàng bay qua trên đầu Lê. Đôi cánh vạm vỡ của con chim khổng lồ quạt vào không gian mênh mông toát ra một tiếng rít dài ảo não.

Mọi người im lặng chờ Lê kể chuyện. Lê mở đầu:

– Còn nhớ lúc ấy...

II

Bóng nhà sư bí mật⁽¹⁾

Lúc ấy đã gần đúng Ngọ.

Cả một khu Blàn-Za⁽²⁾ như muốn bùng cháy lên dưới cơn nắng lửa⁽³⁾. Không một hơi gió thoảng. Không một bóng chim muông. Vòm trời xanh ngát ngập những hoa nắng rung động lập lòe gần như nảy lửa.

Giờ này là giờ an nghỉ của các loài thú cầm, là giờ rong chơi của các đấng sơn thần, là giờ lang thang của các giống ma rừng⁽⁴⁾. Không gian im ắng đến lạ thường.

Thế mà, giữa buổi trưa mùa hạ buồn thiu ấy, một cảnh tượng náo động đã đột ngột xảy ra, đánh thức cả một vùng cỏ nội, hoa ngàn đang chìm lìm trong giấc muôn năm im lặng.

Thì đây...

Từ trong Bri-Si Klòn⁽⁵⁾ vụt nhô ra bóng một người kỵ mã, mình cúi rạp trên lưng ngựa, sắc lông trắng phau như

(1) Bản 1989: *Nhà sư bí mật*.

(2) Trảng tranh (LVS).

(3) Bản 1947: *dưới sức nóng của mặt trời mùa hạ*.

(4) Bản 1947: *linh hồn mọi rợ trú nơi sơn lâm huyền bí*.

(5) Rừng dầu (LVS).

tuyết. Con tuấn mã cất cao bốn vó, chạy ủa vào Blàn-Za làm cho biển tranh nổi sóng và từng loạt chim đang chui rúc dưới các góc tranh rậm, hốt hoảng đập cánh náo nức bay bổng lên như lá khô bị trốt hốt.

Rồi thì cả một đoàn người ngựa nữa, cũng từ trong Bri-Si Klòn thoát ra, đuổi theo người kỵ mã đang phóng ngựa như bay ở phía trước.

Cuộc săn đuổi càng lúc càng trở nên ác liệt. Những kẻ đuổi ở phía sau cứ nhắm người chạy đằng trước, buông ra những mũi tên vút đi như luồng điện xẹt, hoặc phóng ra những ngọn xà-búp⁽¹⁾ sáng loáng.

– Lọt tìng kup cau hào a-sẻ bo!...⁽²⁾

Tiếng hò reo vang lên như tiếng rống của một đoàn mãnh thú.

Cảnh huyên náo xảy ra tự nãy giờ đều không lọt qua mắt một nhà sư không biết đến tự lúc nào và đã bao lâu, dừng ngựa trên gò đất cao, um tùm những bụi găng chơm chơm gai.

Nhà sư ấy, mình vận một chiếc áo màu chàm, đầu đội nón mê vành rộng, tay trái kìm cương ngựa, tay mặt cầm một cánh cung, ngang lưng buộc một cái ống lồ ô đầy ăm ắp những mũi tên nhọn.

Đoàn người ngựa lúc nãy đã gần tới mô đất cao, chỗ nhà sư trú ẩn.

Nhà sư vội thúc ngựa chồm lên một bước, rào mắt dòm xuống. Chạy trước là một kỵ mã tí hon, một cậu bé

(1) Ngọn lao (LVS).

(2) Đuổi hát đờn cười ngựa kìm! (LVS).

mình trần, phơi những thớ thịt lóng như thoa mỡ. Thân dưới choàng một cái “trum-ôi-bon”⁽¹⁾. Cậu nằm úp xuống cái khiên phủ đầy những mũi tên của đoàn người phía sau bắn tới.

Sư ông lè lưỡi:

– Chà! Tụi Stiêng khờ lắm. Nó bắn vào mông ngựa thì...

Bị đuổi gấp, cậu bé cưỡi ngựa kim quất ngựa sang một bên và chạy trốn phía sau gò đất. Bọn Stiêng liền bủa ra hai tốp; một tốp đón đầu, một tốp chặn hậu...

Nhìn thấy thế nguy của cậu bé, sư ông thở dài lắm bầm:

– A-di-đà Phật! Mười hai năm nay mới gặp Rabei thì Rabei đang ở trong một trường hợp phi thường⁽²⁾. Lạy đức Thích Ca mâu ni, xin ngài hỉ xả cho đệ tử là vì đệ tử sắp vượt sát giới cấm của nhà Phật. Đệ tử mang tội lớn lắm. Nhưng còn một chút nợ trần!...

– Di sệt kòn-na, ê!⁽³⁾

Sư ông vói tay ra phía sau, rút phắt một nắm tên, tra vào dây cung. Dây cung bật lên thành tiếng như làn gió rít mạnh.

2018/BC/VV

Tách!... Tách!... Tách!...

Một con ngựa, hai con ngựa rồi ba con ngựa ngã quỵ cùng trong một lúc, quăng ba tên mọi Stiêng xuống đất.

Tách!... Tách!... Tách!...

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
XBP ĐỊA PHƯƠNG

(1) Cái khố màu chàm.

(2) Bản 1989: ...đang lâm vào cảnh nguy khốn.

(3) Nó bị trúng tên rồi! (LVS).

Ngựa lại ngã, người lại té!...

Bọn Stiêng hoảng hốt lùi lại. Chúng rú lên những hồi kinh hoàng làm chuyển động rừng sâu.

Rabei nhân lúc bọn kỵ mã toán loạn tay cương, rẽ ngựa sang một bên chạy thoát.

Bọn Stiêng không đuổi theo. Chúng thì thảo một lúc rồi rút nhau chạy trở lại phía Bri-Si Klòn.

Blàn-Za, sau cơn biến động, lại trở về với sự hoang vu, vắng vẻ...⁽¹⁾

(1) Đoạn mô tả trận đánh này được in theo bản 1947.

III

Núi Beo có một vị tiểu anh hùng

Núi Beo (Kliu Sa Magn) là một trái núi nhỏ ở về phía tây bắc nguồn nước Mã Đà. Dưới chân núi Beo có một cái động sâu hoắm, tối om om, gai góc mọc chằng chịt như mắc võng. Chung quanh núi, mù mù⁽¹⁾ rừng cao, bụi rậm. Tranh, để chen chúc cùng các loài thảo mộc vô danh mọc ngang tàng khắp lối làm cho núi Beo trở nên một trái núi linh thiêng, chứa chấp nhiều mẩu chuyện bí mật, hoang đường.

Có một bầy công, thường cứ chiều về lại tụ họp đông vầy ngoài cửa động. Mờ sáng hôm sau, đã thấy chúng tản mác biến đi trong các xó rừng sâu.

Nhân thế người ta mới đặt tên cái động ấy là động Con Công. Người Mọi gọi nó là Trôm-Kuang-Bra.⁽²⁾

Trôm-Kuang-Bra là một thế giới riêng biệt, u linh và huyền ảo!

Sáng nào cũng vậy, trong khi cận đêm lóng xuống, khói núi và sương mù ùn ùn dâng lên thì hàng ngàn con

(1) Bản 1989: *Chón chơ*.

(2) Bản 1989: *Con Công còn gọi là Trôm-Kuang-Bra theo tiếng người dân tộc Châu Mạ*.

công “tổ hộ” vang rùng. Chúng xòe những bộ quạt rất đẹp và đi, đứng, múa may như một bầy tiên nữ đang thi thố những vũ điệu chào mừng lễ minh.

Nhưng có một buổi chiều, khi về núi cũ, bầy công bỗng nhận thấy trước cửa động đông đầy một giống vật lạ: đó là loài người. Loài người tự nhiên vô cớ đến chiếm mất cái tổ êm ấm của bầy công thanh thoi và vô sự ở núi Beo. Lẽ tức nhiên, chúng không bao giờ sống chung với người được, vì loài người tàn ác lắm.

Vậy, mờ sáng hôm sau, đoàn công lui vào rừng rồi đến chiều không về nữa. Chúng cảm thấy từ nay chúng bị xua đuổi vĩnh viễn khỏi cái nơi mà chúng hằng coi là quê hương của chúng.

Bọn người mới tới là một bọn Mọi⁽¹⁾ du mục. Họ đã đến đây, đã xét xem địa thế rồi nhứt định dùng núi Beo làm căn bản trong một ít lâu.

Họ liền dựng lên một cái xóm. Họ đốn lồ ô cắt nhà sàn, đốn tre làm hàng rào, đốt rừng làm rẫy.

Chỉ trong vài năm, quanh vùng núi Beo, quang cảnh đã trở nên vui vẻ: đất cát phì nhiêu, hoa màu tươi tốt.

Một hôm, có một người khách lạ dẫn một đứa nhỏ đi vào Trôm-Kuang-Bra. Thoạt tiên thấy có một giống người khác màu da đến trú ngụ trong ấp, bọn Mọi đã thì thầm bàn tán rất nhiều. Thậm chí có kẻ định ám hại người khách mới đến là khác. Nhưng về sau người khách lạ đã khéo lợi dụng cảm tình mà chinh phục lòng những con người mọi rợ ở động thẳm.

(1) Bản 1989: từ này được đổi thành *thổ dân*.

Người khách lạ thuộc thổ âm như thổ dân, biết rõ phong tục như thổ dân. Người Mọi về sau này, đã nhận ra như vậy.

Không bao lâu, người khách chân ướt, chân ráo kia được dân sự cử làm trùm trưởng bộ lạc Trôm-Kuang-Bra, cai quản cả một sóc mọi hơn một ngàn người.

Nghiêm nhiên thành một vị “thảo dã đế vương”, viên trại chủ nọ như được ai khơi lại nguồn dĩ vãng. Cái khí phách ngang tàng, từ lâu ngấm tắt, nay bùng lên trong tâm trí gã như một ngọn lửa thiêng. Cái ý chí hoạt động lại nổi dậy, kích thích cái đầu óc cứng cỏi của gã đến cùng tận.

Gã liền hạ lệnh cho thủ hạ xây đắp hào thành, cất thêm chiến lũy, sắm thêm khí giới...

Từ đó, dân cư quanh vùng động công như giống Cao Man, Stiêng, Bu Lu, Bú Cháp, v.v.. đều nể oai khiếp phục gã.

Từ đó, trên con đường độc đạo xuyên qua những áp mọi hoang của hai quận Đồng Nai và Sông Bé, khách qua đường phải nhiều phen kinh hồn, bạt vía vì một bọn cướp mọi chặn đường tóm thâu tài vật, có khi luôn cả tính mạng.

Gã có một đứa con trai chừng mười bốn tuổi, sức vóc vạm vỡ, tánh nết cũng ngang tàng dữ tợn như gã. Từ thuở nhỏ, đứa bé ấy đã được gã rèn luyện thành một dũng sĩ tài nghệ xuất chúng, khả dĩ nối chí gã làm một vị “thảo dã anh hùng”.

Cho nên, tuy tuổi hãy còn măng, cậu bé ở núi Beo đã có một sức mạnh hơn người, lại thêm, tài chạy nhảy, leo trèo lanh lẹ như loài DỘC (một loài vượn khỉ).

Những bọn đầu trộm đuôi cướp, những người sanh

sống bằng lâm sản đều nghe tiếng và khiếp sợ vị tiểu anh hùng ở núi Beo.

Tuy nhiên bọn thổ dân quanh vùng Trôm-Kuang-Bra vẫn căm hờn oán ghét cậu bé ấy. Họ chỉ chờ có dịp tốt là ra tay sát hại.

Vì thế, người ta được thấy một cuộc rượt bắt ở Blàn-Za mà Rabei suýt chết vì tay bọn Stiêng, nếu không có nhà sư bí mật bắn mấy phát tên giải cứu.

IV

Vị ân nhân thứ nhất của Rabei

Chiều kia, động Công ồn lên như sắp có hội hè, lễ lạt.

Thật vậy, từ cửa động đến quanh vùng núi Beo, đèn chài sáng rợp như một cuộc hoa đăng. Người trong sóc làm tiệc thết đãi một vị khách quý. Vị khách quý ấy là một nhà sư, ân nhân của Rabei mà cũng là ân nhân của đảng trưởng Trôm-Kuang-Bra.

Tiếng chiêng, tiếng kèn “ô-campô” hòa cùng tiếng đờn “chìn-kha-la” làm thành một bản nhạc đặc biệt, làm tăng thêm những tấm lòng mọi rợ đã bị nung đốt bởi men rượu “ịch” (rượu nấu bằng nhiều rễ cây).

Trong trại trong...

– Đảng trưởng thể tình, thật quả kẻ tu hành này không dám dùng đồ mặn...

Thấy sư ông từ chối món thịt hươu xào lá lốt, đảng trưởng liền trao cần trúc tận miệng nhà sư, cười khê:

– Vậy sư ông dùng một chút rượu mới được!

Sư ông chấp hai tay, xá:

– A-di-đà Phật! Kẻ tu hành quyết không dám phá giới cấm, xin đảng trưởng chớ ép. Bản đạo xin phép dùng cơm với muối vùng cùng tạm được.

Rabei thấy sư ông lại từ chối sự mời mọc ân cần của cha một lần nữa thì không bằng lòng. Cậu rước lấy cần trúc ở tay cha, hút một ngụm nút “ực” vào rồi khà ra một tiếng khoái trá.

Sư ông chau mày, lấy tay gõ nhẹ vào đầu Rabei trách:

– Này! Cậu hãy còn bé, uống rượu không nên! Nhìn cái sắc đỏ gấc thế kia, xấu lắm!...

Rabei cười hăng hặc:

– Nhưng không uống thì không chịu được. Quen rồi!

Nhà sư chép miệng thở dài. Một thoáng buồn hiện lên trong đôi mắt từ bi.

Bỗng dảng trưởng đập mạnh tay xuống bàn gỗ, hần học một mình:

– Hừ! Tự nhiên bọn Mọi Stiêng lại muốn gây sự với ta. Giỏi thật!

Gã tròn mắt nhìn về phía Blàn-Za lúc bấy giờ đang lịm trong bóng đêm dày. Tiếng phèng la, tiếng chiêng khua lên từng chập, ngân nga thành những sóng kim thanh lan xa, xa tít, như muốn phô cùng sơn cước quanh vùng cái oai vũ của động Công.

Quả quyết, gã nhìn thẳng vào mặt Rabei, hạ lệnh:

– Rạng ngày mai, ta cấp cho mày hai trăm thủ hạ, qua sóc mọi Stiêng, mày dám đi không?

Rabei đứng lên vỗ ngực:

– Xin bap⁽¹⁾ để một mình con đi thôi! Và con xin đi ngay bây giờ!

(1) Cha.

Rabei vụt chạy đi thì đụng phải một tên Mọi ở ngoài cũng vừa bước vào. Cậu nổi nóng, giơ chân đạp tên Mọi lộn đi mấy vòng.

Sư ông níu Rabei lại, ôn tồn khuyên:

– Việc gì mà cậu nổi nóng lên như vậy? Trong khi giận dữ người ta mất cả trí khôn, làm hỏng những việc lớn. Cậu nên nghe tôi, chừa đi nghe!

Bấy giờ tên Mọi chạy vào lúc nãy mới bớt run sợ.

Đảng trưởng hỏi nó:

– Mà vào đây có việc gì?

– Máy tên Stiêng muốn vào nói chuyện với đảng trưởng. Chúng đang ở ngoài cổng trại chờ lệnh.

– Có mang khí giới không?

– Không!

– Vậy cho chúng vào!

Tên Mọi lùi ra.

Đảng trưởng hỏi sư ông:

– Không biết tụi Stiêng tới đây để làm gì? Sư ông có đoán được không?

Sư ông trầm ngâm:

– Theo thiển kiến của bản đạo thì chúng đến đây mà không mang khí giới là có ý muốn cầu hòa. Không có gì đáng ngại.

Quả như lời sư ông đoán, bọn Stiêng sáu đứa đến Trôm-Kuang-Bra để tạ lỗi gây sự với Rabei hồi trưa.

Thoạt đầu, đảng trưởng Trôm-Kuang-Bra muốn giết chúng để thị oai, nhưng nhờ sư ông can, nên gã tha chết cho chúng và đuổi về.

Sau khi bọn Stiêng về rồi, gã dặn Rabei:

– Từ giờ có đi đâu con đừng đi một mình nữa, nghe! Phải đề phòng luôn mới được. Bạp trông bọn Stiêng không vừa đâu! Chẳng qua chúng nó chịu lép tạm thời đó thôi.

Rồi quay qua phía sư ông gã nói:

– Tôi phải vào trong có chút việc. Sư ông cứ ngồi đây, đã có Rabei, con tôi hầu chuyện, Lúc nào mệt nó sẽ dẫn sư ông qua ngủ ở trại nó!

V

*Câu chuyện của nhà sư bí mật hay là
nguyên nhân một mối thù lớn*

– Lúc này đang trống vào trong có chút việc, cậu có biết là việc gì không?

– Bạp tôi đêm nào cũng luyện phép đến khuya mới đi ngủ. Có lẽ giờ này bạp tôi còn thức, chưa ngủ đâu!

– Đang trống luyện phép gì, cậu biết không?

– Sao lại không!...

– ...Gì?

– Gồng!

– Gồng?

– Phải, hồi còn giàu có lớn, bạp tôi nuôi trong nhà một ông lục⁽¹⁾ người Cao Miên, rất giỏi bùa chú và gồng ngải. Chính ông lục ấy đã truyền dạy các món phù pháp cho bạp tôi. Tôi còn nhớ có một lần tôi thấy ông lục cầm con dao nhọn đâm vào bụng bạp tôi mà da thịt bạp tôi vẫn liền trơn như thường. Bạp tôi nói cho tôi biết là bạp tôi có gồng. Có gồng thì dao đâm cũng không thủng thịt, búa chặt cũng không gãy xương. Lớn lên vài tuổi nữa, thế nào tôi cũng bắt

(1) Lục: sư.

bạp tôi truyền nghề lại cho tôi... Nhưng kìa, sao sư ông lại thờ dài?

Không nghe sư ông đáp, Rabei day qua, vỗ vào bụng sư ông:

– Đã ngủ rồi à?

Sư ông cười:

– Chưa! Cậu cứ cựa mình mãi, làm cái giường tre cứ ọp ẹp lên như thế này hoài thì ngủ sao được? Cậu cứ nói chuyện nữa đi, tôi nghe!

Rabei hỏi sư ông:

– Sư ông ơi! Sư ông biết bạp tôi học gông để làm gì không?

– Không!

Bạp tôi thường nói như vậy: “Tao luyện một lớp da thép để chống lại với dao nhọn của một kẻ tử thù.

– Một kẻ tử thù? Đảng trưởng mà cũng có kẻ thù oán nữa kìa à! Mà kẻ thù ấy là ai, cậu biết không?

– Bạp tôi không nói.

– Cậu không biết à? Tôi biết... Kẻ tử thù của đảng trưởng là...

Rabei sốt ruột hỏi dồn:

– Là ai sư ông?

Sư ông ngắt ngang câu chuyện:

– Khoan! Kìa, cậu có nghe gì không?

Ngoài rừng có tiếng chim lịnh... Rừng khuya nín thít. Trăng hạ tuần nhô lên đầu những ngọn cây cao.

Sư ông nói với Rabei:

– Chắc có một ông chúa sơn lâm vừa mới qua đây.

– Sao sư ông biết?

– Cậu dốt quá! Khi nào có chim linh về thì tất phải có một “lão hồ” ở nội vùng quanh đó. Mà phải là hồ tu lâu năm không ăn thịt sống nữa thì mới có chim linh theo hầu.

– Lạ quá!

Trăng cao lặn. Nhiều tia sáng lọt qua kẽ phen, chiếu vào căn trại chỗ hai người đang nằm.

Rabei khơi câu chuyện tắt ngang hồi nãy:

– À, sao sư ông lại biết người thù của bap tôi? Nó là người thế nào? Sư ông chỉ cho tôi biết, tôi sẽ bằm nó ra từng mảnh.

Sư ông cười:

– Cậu cũng chưa bỏ được tánh hung hăng.

Rồi hỏi tiếp Rabei bằng một giọng nghiêm nghị:

– Tôi có thể tin nơi sự kín miệng của cậu được không? Tôi chỉ sợ...

Rabei quả quyết:

– Sư ông cứ tin nơi tôi. Đã là chuyện kín miệng của sư ông thì tôi hứa sẽ không cho người thứ hai nào biết.

– Cả đảng trưởng nữa chứ.

– Phải, cả bap tôi, tôi cũng không nói lại, một khi đã có lời sư ông dặn.

Rabei giựt mình khi nghe sư ông hỏi một câu đột ngột:

– Cậu có biết cha mẹ cậu là ai không?

Cậu bé chưa kịp nói gì thì sư ông đã tiếp:

– Và cậu nên nhớ rằng đảng trưởng không phải là bap cậu đâu nhé!

– Ô! Sao lạ thế?

– Yên, tôi kể chuyện này cho cậu nghe.

Rabei giục:

– Mau, tôi nóng ruột lắm...

– ... Cách đây hai mươi năm, có một cặp vợ chồng trẻ tuổi, trốn cảnh phồn hoa đi vào những miền sơn lâm tìm cuộc mưu sinh.

Nhờ lòng dũng cảm, chí kiên nhẫn của chồng và nhờ những đức tánh cần lao của người vợ nên không bao lâu, một vùng đất ủng, nước lầy ở bên⁽¹⁾ B.D. hoang vu đã thành một sở “sầu riêng” rộng lớn.

Sống chung với họ, có một tên nghĩa bộc⁽²⁾ đã giúp hai người trong cuộc gây dựng nên cơ sở tốt đẹp mà hai người đang vin theo để sống.

Những người cơ khổ mang tấm thân trôi nổi vật vờ khắp miền sơn khê, những người suốt đời chỉ sanh sống bằng lâm sản đều rủ nhau lần lượt cất nhà, dựng xóm quanh sở “sầu riêng” lập thành một cái ấp phồn tập⁽³⁾ giữa cõi rừng xanh.

Vài năm sau, một đứa bé ra đời trong gia đình hai vợ chồng trẻ tuổi nọ. Cha mẹ đứa bé, vì mãi mê theo sự nghiệp mà không có đủ thì giờ săn sóc con thơ. Sự nuôi nấng và dạy dỗ con, hai vợ chồng ấy tin cậy người nghĩa bộc.

Ta không nên quá nghiêm khắc, trách lòng hồ hững của họ đối với con. Có đi sâu vào dĩ vãng của họ mới biết

(1) Làng.

(2) Bàn 1989 kể lai lịch của người nghĩa bộc.

(3) Dông đúc.

rằng họ quyết đem sanh mạng để đổi lấy sự giàu sang và để gây dựng một tương lai tốt đẹp cho con.

Thiếu danh vọng, thiếu tiền tài, họ đã bị người đời xô đẩy ra ngoài lề sự sống. Vậy họ phải lo làm sao cho con họ khỏi phải chịu lây cái số phận hẩm hiu như họ.

Năm đứa bé lên ba tuổi, một tai biến xảy ra như một con sóng lớn nhận chìm chiếc thuyền gia đình của hai vợ chồng nhà họ.

Giọng sư ông đã thay khác, gần như là ghen ngào. Tư tưởng sư ông đang trôi trên một dĩ vãng lâm ly nhứt đời.

Nghe sư ông nói “hay” quá, Rabei theo đuổi câu chuyện từng đoạn một, không xao lãng. Trong tâm hồn man dã của cậu bé rừng xanh xao xuyến một cái gì nhớ nhung gần như là cảm tình. Tự nhiên những hình ảnh xa xôi thoáng hiện trong tâm trí cậu, nhưng mau quá không nhớ rõ được.

Im lặng vài phút, sư ông lại tiếp:

– Thời bấy giờ có một tên tướng cướp lợi hại tên là Trần Huỳnh thường hay lẩn lút trong rừng sâu, gieo rắc cho lương dân nhiều sự khủng khiếp.

Tuy uy thế nó lừng lẫy một cõi, nhưng lúc nào nó cũng e dè sợ Nguyễn Hữu Nhạc, bởi Nhạc không hề sợ nó.

... Nay giờ tôi quên nói tên những người trong chuyện cho cậu dễ nhớ. Người chồng là Nguyễn Hữu Nhạc, vợ tên Lê Thị Anh Kiều; còn Trí Nhân họ Nguyễn là tên người đầy tớ trung nghĩa của họ.

Từ lâu Nhạc có ý định hễ khi giàu có rồi, sẽ hồi hương cất nhà cửa và lập cơ sở làm ăn. Trong gần bảy năm

qua, Nhạc đã hứng chịu không biết bao nhiêu tai nạn của rừng thiêng lâm chương quanh năm.

Sốt rét kinh niên, mắc ngải hoàng, làm mỗi cho thú dữ, cho trộm cướp, v.v.. Từng ấy tai họa đã làm cho Nhạc mang những vết thương nặng về thân thể luôn cả linh hồn.

Chiều hai bảy tháng chạp năm ấy, tình quê nổi dậy trong lòng Nhạc mạnh hơn cả lúc nào. Chàng thấy thèm hơi hương khói từ đường và mơ một cảnh đoàn viên ấm áp trong tiếng pháo nổ, gió xuân bay.

Chàng giao việc nhà cho Trí Nhân trông nom, tom góp một ít tiền bạc rồi cùng vợ và con theo đường cũ về quê.

Tin ấy lọt vào tai tướng cướp Trần Huỳnh. Dịp tốt đã đến, nó không cần phải nghĩ ngợi gì lâu, kéo rốc thủ hạ xuống núi, chặn đánh Nhạc. Trước khi lên đường, chàng còn căn dặn Trí Nhân: “Vợ chồng tôi về quê độ dầm tình hình rồi trở về đây ngay. Đất này không phải là nơi chúng mình sống vĩnh viễn”.

Cuộc tàn sát xảy ra trong khoảnh khắc, vợ chồng Nhạc và đứa con nhỏ đều bị hại. Nghe đâu trước khi rút lui, Trần Huỳnh đã cúi xuống vuốt mắt vợ chồng Nhạc và lạy ba lạy.

Khi Trí Nhân hay tin thì đã muộn. Người nghĩa bộc ấy chỉ còn có nước lợm thi hài của chủ về lo việc táng an. Còn thi thể đứa bé con của Nhạc, Nhân không tìm thấy. Chàng nghi quyết là nó đã bị hùm beo tha mất.

Từ đó Trí Nhân ngậm một mối oán cừu vô biên, sống trong những ngày tháng đầy nước mắt.

Một đêm kia, Trần Huỳnh đích thân đến nhà ám sát Trí Nhân. Dường như đã dò biết trước ác ý ấy, Trí Nhân đã lén trốn đi mất một ngày trước.

Trần Huỳnh chiếm sở sấu riêng. Trong ít lâu cả một cái ấp sầm uất đã trở nên tiêu điều. Người trong ấp vì không phục Trần Huỳnh nên đã lần lượt bỏ đi hết.

Năm sau, tên tướng cướp gian ác ấy cũng đã bỏ ấp ra đi. Người ta không biết tung tích của nó đâu nữa...

Sư ông ngừng chuyện. Rabei hỏi ngay:

– Đã hết rồi sao sư ông?

– Chưa! Mà cũng như hết.

– Sao lạ vậy?

– Rồi cậu sẽ biết. Tôi chỉ nói một điều mật nhiệm cho cậu biết và cậu phải giữ kín trong lòng là: “Đảng trưởng đây chính là Trần Huỳnh ngày trước”.

Rabei hái hùng, trợn mắt:

– Ô! Bạp tôi...

– Suyt! Nho nhỏ chớ!...

Đoạn sư ông áp miệng vào tai Rabei, thì thầm một hồi lâu. Cậu bé nghe xong, mếu máo muốn khóc. Sư ông dỗ:

– Thôi đừng buồn nữa! Bây giờ cậu đã biết kẻ tử thù của đảng trưởng là ai rồi chớ? Từ đây cậu phải kín miệng chờ đợi kết quả. Nhân nại là đức tánh của đảng trưởng phu, cậu nên nhớ nằm lòng.

– Nhưng tôi muốn gặp mặt Trí Nhân gấp...

– Chưa phải lúc! Trí Nhân dặn tôi đến đây thuật cho cậu nghe câu chuyện lúc này mà thôi. Còn sự gặp mặt Trí Nhân là vấn đề thời gian. Cậu chớ nên nóng nảy.

Rabei thút thít khóc. Sư ông lại phải dỗ mãi cậu mới nín:

– Thôi khuya rồi, cậu ngủ đi! Sáng mai tôi từ già cậu ra đi. Cậu đừng buồn rầu nghĩ ngợi xa xôi. Đã là người anh hùng ta không nên để rơi nhiều nước mắt. Giọt lệ bi ai hay làm mềm gan anh dũng và nguội mất lửa đỏ của can trường. Phải can đảm và nhận lấy biến cuộc của trò nhân sự, nên coi đó là một cuộc thử thách của thần số mạng, mà người kiên gan sẽ đi đến chỗ chiến thắng, kẻ mềm lòng sẽ bị dở dang trong mọi việc.

Có tiếng gà rừng đập cánh gáy sáng. Sư ông kéo tấm bố⁽¹⁾ đắp qua mình hai người. Lửa sưởi ấm dưới nhà sàn hãy còn bốc cháy đỏ rực.

– Rồi chừng nào sư ông mới trở lại để tôi được biết thêm những điều dạy bảo của sư ông?

– Mùa hạ năm sau!

(1) Tấm đắp được dệt bằng đay.

VI

Sau khi sư ông đi rồi

Đã mấy tháng nay Rabei ở lì trong trại. Cậu không dong⁽¹⁾ ngựa đi săn bắn ngoài rừng như trước nữa. Cậu cũng ít giáp mặt cha để hủ hí chuyện trò như những ngày nào, tình cha con thân mật, một bước không rời nhau. Đảng trưởng Trôm-Kuang-Bra phần nào nhận ra hiện tượng khác thường đó của con trai mình nhưng cứ cho đó là diễn biến tâm lý thông thường của lứa tuổi thiếu niên đang bước vào ngưỡng cửa của sự trưởng thành.

Chiều chiều, cậu trèo lên núi Beo, đứng nhìn ra những phương trời xa xa như mong ngóng ai, chờ đợi ai. Trong lòng cậu mừng tượng như có một người ra đi, mang theo tất cả những bí quyết về đời sống vui tươi của cậu.

Đêm đêm cậu trần trọc không ngủ. Bấy lâu cậu không hề biết huôn bao giờ. Không biết vì sao kể từ ngày sư ông chia tay, cậu bỗng thấy sâu lai lảng.

Như lời sư ông thuật lại, Rabei được biết mình không phải là con của đảng trưởng Trôm-Kuang-Bra. Người cha hiện tại của Rabei là kẻ đã giết cha ruột, mẹ ruột, làm hư hỏng cả một tiền đồ tốt đẹp của mình.

(1) Pn. Rong.

Vậy mà sư ông nhất định không cho cậu giết ngay kẻ thù của cha mẹ cậu, bắt cậu phải chờ đợi mãi đến mùa hạ năm sau!

Mùa hạ năm sau!

Thời gian sao mà chậm thế! Có khổ cho cậu không, hỡi trời!?...

Cậu phải ngậm hờn, sống những ngày cực tâm, cực trí bên con người vô nhân đạo mà luôn luôn cậu phải gọi bằng cha, luôn luôn cậu phải giả tươi cười niềm nở.

Nhiều lúc, trong lòng cậu sôi lên một mối căm hờn cực điểm, tưởng không kiềm chế được, cậu muốn cầm dao đâm ngay một nhát vào ngực kẻ thù. Nhưng ngực kẻ thù kia có một lớp sắt che chở đáng tưởng Trôm-Kuang-Bra có gông!

Đó là một trở lực rất lớn trong công cuộc rửa thù của cậu.

– Làm thế nào bây giờ?

Câu hỏi ấy lẩn quẩn mãi trong đầu óc Rabei.

Cho nên cứ mỗi chiều cậu lại trèo lên núi Beo, đứng ngó mong khắp bốn phương trời xa xa.

Xa xa mây đỏ phủ đầu non, và sương mờ ngấn tấm mắt rộng của cậu bé.

Trời cao, tuyết mù!...

VII

Một giọt nước là một giọt máu!

Mùa hạ đây rồi.

Sự mong đợi của Rabei, sau một thời gian, đã đến mục chót.

Năm ấy, Trời làm đại hạn. Các mạch suối đều tắc. Các vũng nước đều cạn khô. Cỏ cây xơ xác, người, vật ngán ngở.

Trên trời cao vùng thái dương đỏ chói cứ ném xuống những tia lửa gay gắt càng làm tăng thêm niềm tuyệt vọng của một số người đang đợi giọt nước của Trời.

Trôm-Kuang-Bra đang ở vào cảnh thiên tai ấy. Sông ngòi ở xa; cuộc vận tải nước thật là gian nan, hiểm trở. Người ta liền nghĩ đến sự đào giếng, nhưng khôn nổi đất rắn hơn gang lại thêm trộn nhiều đá cuội; khổ công đào sâu xuống hơn mười thước đất, người ta vẫn chưa gặp một giọt nước con.

Đảng trưởng Trôm-Kuang-Bra đứng trước nạn trời ấy, rộn lòng lo nghĩ.

Ngày ngày, những tiếng kêu khóc vang dội mãi bên tai đảng trưởng thành những tiếng rên rỉ não nùng, những lời nguyện rửa ngấm ngấm, ghê gớm. Một mặt đảng trưởng

sai kẻ mạo hiểm đi lòng trong các xó núi rừng để họa may có tìm được một khe nước nho nhỏ nào chẳng. Một mặt người tổng động⁽¹⁾ những đạo binh đi vận thủy ở con rạch gần nhứt mà ít ra cũng phải mất những bảy ngày đường, vừa đi, vừa về.

Tuy nhiên người trong bộ tộc Trôm-Kuang-Bra vẫn sống giã giụa trong cơn nắng lửa.

Trước cái tai nạn khắt khe ấy, Rabei thấy nóng lòng, héo ruột. Sự đợi chờ đã hầu mòn mà bóng sư ông vẫn là mây ngàn, hạc nội.

Chợt một mưu mẹo mới mẻ thoáng hiện trong trí cậu: dùng ngải hoàng đầu độc đảng trưởng. Nghĩ thế, cậu sung sướng như người mù được trông thấy ánh sáng. Nhưng rồi sau những hồi đắn đo, cậu nhứt định đánh đổ cái kế hoạch ám muội ấy, bởi nó không xứng đáng là hành động của một kẻ trượng phu.

Và lại, đầu độc đảng trưởng nào phải việc dễ thành công theo ý muốn; vì đảng trưởng có trong các huyết quản của mình một thứ máu rất lạ có thể “làm lạnh” với mọi chất thuốc độc, và một bộ máy tiêu hóa nhiệm màu bất chấp cả các thứ ngải nghệ. (Đó cũng là một bí quyết của phù pháp môn).

Trong khi Rabei đang ngấm ngấm theo đuổi những sự trù tính về công cuộc trả thù của cậu, thì người trong sóc cứ hao hốt⁽²⁾ dần như lá rụng.

(1) Sic.

(2) Pn. Hao mất dần, hao hụt đi.

Bốn phận của cậu là phải chung lưng, đấu cật với đảng trưởng, tìm những phương chước giải thoát cái nạn nắng thiêu, lửa đốt. Lẽ đâu vì lòng vị kỷ nhỏ nhen mà cậu làm ngơ trước cảnh thoi thóp của toàn thể con dân trong sóc Trôm-Kuang-Bra, là những người trong lúc bình thời đã trải thân phụng sự cậu trong mọi nhu cầu. Công cuộc rửa thù phải tạm gác lại chờ khi khác...

Một giọt nước là một giọt máu!...

Không lúc nào nước lại cao giá bằng lúc này. Trong cuộc giành giật⁽¹⁾ nước uống, người ta đã phải hy sinh đến cả giọt máu đào vào cuộc chém giết rừng rợn. Và những cảnh tàn sát ấy cứ âm thầm diễn mãi ra trong rừng thẳm, giữa những bộ lạc người Mọi ở những miền cao nguyên và người Mọi ở những vùng sông rạch.

Vì sao lại có sự đánh giết như thế?

Bạn đọc hãy hình dung ra những đoàn người đông đảo kéo nhau đi qua những miền núi non cao vọi, rừng độc âm u, dất dứu theo nhiều trâu, bò, ngựa, v... Họ đi đâu?

Ta hãy chịu khó theo dấu họ. Ta sẽ được biết rằng đó là dân sự của những sóc Mọi cao nguyên, thiên di gia quyến đến những miền có sông ngòi.

Đàn ông thì chỉ vắn có độc một cái "cần vọt" nhỏ vừa đủ che chỗ kín. Đầu vắn khăn màu chàm. Trên lưng họ, có một cái guôi đan bằng mây nhỏ sợi đựng com khô, lương thực... Mọi người đều có trên tay, hoặc một cái chà gạt, hoặc một chiếc nỏ, hoặc một ngọn xà búp, hoặc một cái mộc... Họ

(1) Pn. Giành giật.

hút thuốc lá vắn tròn hay ngậm những cái ống điều rất thô kệch làm bằng tre khô.

Đàn bà, thân dưới vắn khố, thân trên để trần, đi theo bọn đàn ông. Cũng có người mặc áo nhưng rất chèn. Tai đeo nhiều khuyên bạc và chân đeo nhiều “gạt-dai”. Lung họ công con, tay họ cầm chà gạt hoặc xách những tay nải to tướng.

Đàn ông trai trẻ thì bảo hộ những ông già, bà cả, đàn bà, con nít. Đàn bà lo việc nấu nướng, đốt lò ô làm muối. Con nít thì đào khoai rừng hay củ nho có chất nước ngọt như mía.

Mỗi khi dân sóc Mọi nảy gặp dân sóc một sóc Mọi khác ở giữa một khoảng rừng nào, nếu thuận thì thôi, hề xích mích thì thế nào cũng có những cuộc huyết chiến thê thảm.

Họ đánh nhau để cướp vợ, cướp con, cướp lương thực, cướp nước uống, cướp súc vật, v.v. và để được thỏa cơn hăng máu. Thế thôi!

Từng đoàn, từng đoàn kéo nhau đi về phía rạch Rhlap là rạch nhánh của sông Bé và cũng là ngọn rạch gần nhất có thể cung cấp nước uống cho họ.

Trên bờ rạch Rhlap, người ta đã chém giết nhau dữ dội hơn các chỗ. Những dân Mọi ở gần rạch Rhlap cứ chờ người Mọi ở miền xa vừa tới là họ đánh úp. Bọn người mới tới vì mệt mỏi nên phần nhiều chưa uống được miếng nước nào của rạch Rhlap đã chết tan xác giữa những hồi sát phạt ghê hồn.

Nơi nơi lòng người ly tán, mắm loạn lạc nổi lên như mắm dịch hạch.

Loài người chẳng những chống chọi với loài người mà
thôi đâu, loài người còn phải tranh đấu với các loài mãnh
thú cũng đang cần nước uống như họ.

Hễ nước chảy đến đâu thì máu cũng linh lảng thành
dòng đến đó.

VIII

Vị ân nhân thứ hai của Rabei

Sợ tình thế khốn đốn này cứ kéo dài ra mãi, đảng trưởng liền đem ý kiến “di dân” bàn cùng mọi người trong tộc lạc, ý kiến ấy được tán thành.

Riêng Rabei không vui...

Lòng cậu bùi ngùi luyến tiếc núi Beo. Lăn ra đi này còn có bao giờ được trở về rừng xưa, núi cũ? Còn có bao giờ được tái ngộ sư ông?

Lạ thay! Người ở thiên môn chỉ đến với cậu một đêm, kể cho cậu nghe một câu chuyện ly kỳ ngày xưa rồi ra đi biệt tích. Lúc dậy, lòng cậu hoang mang nỗi nọ, niềm kia vì mối hận cừu chưa trả. Nhưng về sau này cậu thấy lửa lòng cậu cứ nguội dần, lụn dần, cơ hồ sắp tắt. Không phải chí hướng cậu chóng thay đổi đâu. Cậu nhẹ dần thù là bởi trong khi cậu cùng cha nuôi cậu đem tâm lực ra chống với nạn trời, cái tình cha con lại khăng khít như xưa. Những kỷ niệm của những năm trôi nổi lại nhắc nhở cậu cái lòng thương yêu của cha nuôi cậu đối với cậu. Rồi cậu thấy cha nuôi cậu không đáng ghét như hồi cậu mới được sư ông bói lại đóng tro di vãng. Có nhiều lúc cậu nghi ngờ câu chuyện kể hồi đó là một câu chuyện bịa đặt. Dầu vậy, cậu vẫn một lòng chờ đợi sư ông...

Mãi đến nay, mùa hạ về đã lâu. Nắng lửa rực trời gico cái họa thiêu người khắp chốn.

Rồi đây, Trôm-Kuang-Bra đã đến lúc phải di dân. Rabei cũng phải theo họ đi vào một cuộc đời may, rủi chưa tường.

Người còn đang sửa soạn một cuộc viễn trình thì ngay chiều hôm đó trời cựa mình muốn mưa. Những khối mây không biết ở phương trời nào lữ lượt kéo về, đen cả một vùng không gian. Sau cùng thì có gió mạnh làm chuyển động cây ngàn; rồi tiếp đến một trận mưa rào như muốn làm lụt cả thế gian. Liên tiếp như thế trong ba ngày, ba đêm, trời mới tạnh ráo.

Thôi thì nước và nước. Nước lữ thành nguồn. Nước tuôn vào lòng khe cạn. Nước đổ rào rào, ướt cả những sườn non râm nắng. Như vậy cho thỏa lòng khao khát của cái thiên hạ “nghèo nước” trong bao nhiêu lâu. Cỏ, cây, hoa, lá, mát mẻ mà sống lại sau những ngày nắng rui.

Riêng khổ cho loài người! Ban đầu họ thấy dễ chịu cho sự sống. Về sau vì thời tiết đổi thay cấp tốc, họ mắc bệnh thời khí chết đi vô số.

Bệnh của Rabei vừa phát lúc ban chiều, đến khuya bắt đầu trở nặng. Cậu mắc chứng bệnh gì, đảng trưởng và mọi người trong bộ lạc đều không rõ căn nguyên. Chỉ thấy cậu nằm ngửa trên giường, mắt nhắm híp, hơi thở yếu đuối, da vàng như nghệ. Màu da cậu cứ mỗi giờ, mỗi phút lại vàng mãi lên.

Có những phút tai biến này, tình phụ tử mới phát hiện một cách chân chánh và cái nghĩa ràng buộc thiêng liêng mới được nâng cao rõ rệt.

Ngồi bên giường bệnh, đảng trưởng vẽ mặt thiếu nảo, lay gọi Rabei từng chập:

– Con ơi, con!...

Nhưng cứ thấy cậu bé vẫn thêm thiếp, mê man thì lòng người xót thương vô hạn. Và những người hiện có mặt ở đó đều òa lên khóc lóc thê thảm.

Trong trại có bao nhiêu đèn chai người bảo đốt lên một lượt để xua đuổi bóng đêm ẩm ướt, vì người ta tin tưởng có tử thần ẩn hiện đâu đây.

Các thứ ngải của đảng trưởng đem ra cho Rabei dùng đều vô hiệu quả. Bệnh cậu bé vẫn không thuyên giảm.

Một luồng lạnh khí như phát lên từ côi âm, truyền vào người, trùm lấy sự vật. Sơn lâm thì thảo chuyện ngàn đời bí mật. Loài linh diệu cũng phụ họa giọng ai oán, ní non.

Nửa đêm về sáng, hơi thở Rabei mòn dần như ngọn lửa yếu đuối sắp tắt. Mọi người cầu nguyện cậu được chết chóng cho đỡ tức tuổi...

Giữa lúc ấy, bên ngoài có tiếng chân ngựa bỏ vó dồn dập và sau cùng tắt ở phía cổng, trước trại. Đảng trưởng giương cặp mắt thao láo hỏi thủ hạ:

– Cái gì thế? Hình như có ai ngã ngựa trước cổng trại ta.

Tiếng mõ tre vang lên nghe lạnh gáy.

Đảng trưởng hỏi dồn:

– Gì thế? Một đứa chạy ra xem rồi vào báo ta!

Thì vừa lúc ấy, bọn canh cổng dẫn vào một tên Mọi lạ mặt.

Đảng trưởng vỗ bàn hỏi người khách mới tới:

– Mày ở đâu ? Tới đây có chuyện gì ? Nói mau!

Tên Mọi mới tới vẻ mặt không sợ hãi, ung dung nói:

– Tôi tên là Ngúc, chuyên nghề bán da thú ở chợ Túc Trung, nhân tạt ngang qua đây, nghe “công tử” lâm chứng bệnh nặng nên tình nguyện vào đây xin chữa giúp.

Đảng trưởng liền đứng lên nhường ghế cho người khách:

– Vạn hạnh! Xin mời ngài ngồi.

Ngúc khoát tay:

– Tôi muốn vào thăm bệnh ngay!

– Được! Xin ngài cứ tự tiện.

Ngúc tiến lại giường bệnh Rabei, nghiêng đầu xuống, áp tai vào ngực cậu bé vừa nghe ngóng vừa nói:

– Trễ hai giờ đồng hồ nữa thì không thể nào chữa được, may quá!...

Đoạn Ngúc thò tay vào bọc da beo đeo ở bên hông lấy ra một củ gừng, bỏ vào miệng nhai rau rầu, rồi phun vào mặt Rabei. Ngúc lại lấy thêm một viên thuốc đỏ, cạy miệng Rabei bỏ vào.

Chừng năm phút sau, cậu bé rên nhỏ một tiếng, ruột sôi ục ục.

Ngúc nói:

– Bệnh đã chịu rồi đó. Chút nữa cậu bé sẽ mưa nhiều lắm. Nhưng chớ sợ, vì đó là sức công phạt của thuốc. Sáng ngày mai cậu sẽ mạnh dần lại.

Đảng trưởng vui vẻ nói:

– Ngài thật là vị ân nhân thứ hai của con tôi vậy.

Ngức lầy làm lạ hỏi:

– Đảng trưởng nói, tôi không hiểu. Sao tôi lại là ân nhân thứ hai? Còn ai là ân nhân thứ nhất?

– Lúc nào rồi tôi sẽ kể ngài nghe. Giờ ta hãy để hết tâm trí vào việc cứu thẳng Rabei.

Ngức làm thình không hỏi nữa.

IX

Lưỡi dao mâu nhiệm

Một con ngựa kim và một con ngựa ô từ trong Bri-si-Klòn đi ra. Trên lưng chúng nó là hai gã anh hùng của động Công: Rabei và Ngức.

Ngức từ khi chữa lành bệnh cho Rabei đã nghiệm nhiên thành “người nhà” của đảng trưởng. Chàng được đảng trưởng ưu đãi như một thượng khách, còn Rabei thì kính yêu chàng rất mực. Dễ thường Rabei yêu chàng hơn đảng trưởng. Mà Ngức cũng yêu Rabei như yêu con. Luôn luôn, chàng đem những tư tưởng thanh cao ra trau dồi tinh thần cậu bé.

Vậy, sáng hôm ấy, thừa lúc rảnh rang, hai người dong ngựa đi chơi.

Ấy là một buổi sáng mùa thu. Trời cao vút và xanh xanh. Hai con ngựa dừng chân lại ngoài bìa trắng tranh, Rabei buồn rầu nói với Ngức:

– Còn nhớ nơi đây, tôi đã có một lần thoát chết, nơi đây tôi đã mang cái ơn rất nặng đối với một người!

Ngức chen vào:

– Người ấy là một nhà sư, như đảng trưởng đã nói phải không cậu?

Rabei gật đầu:

– Chính thế! Nhưng đáng Từ Bi kia đã không trở lại đây nữa thì...

– Thì?

– Thì câu chuyện ngày xưa chỉ là câu chuyện trong giấc chiêm bao!

Người thanh niên của rừng xanh, trải bao nhiêu cuộc đổi thay của hoàn cảnh, của lòng mình đã thành ra bi quan và đã biết thốt ra những câu nói sâu xa đượm buồn.

– Cậu hẳn có một tâm sự kỳ lạ lắm?

Rabei nhếch môi cười, thở ra không nói.

Ngực dô:

– Cậu có chuyện gì buồn cậu cứ nói ra, tôi sẽ giải quyết giúp cậu. Cậu cứ tin lời tôi. Sự gần gũi của ta trong bao nhiêu tháng ngày không đủ bảo đảm tấm lòng tin tưởng nhau sao?

– Để đến đêm tôi sẽ kể chuyện tôi cho chú nghe. Người ta kể chuyện cho tôi nghe lúc ban đêm, thì tôi cũng phải đợi đêm mới kể.

Ngực cười:

– Cậu Rabei đã thành người lớn rồi đó!

Hai người liền bỏ qua chuyện ấy, bắt đầu vào cuộc săn dộc.

Loài dộc nhanh quá, thoáng thấy bóng người chúng lăn tròn rất lẹ.

Rabei đã phí mất mấy phát tên mà không bắn trúng được con nào.

Ngực bảo Rabei:

– Thôi, ta bãi việc bắn dộc đi! Chúng đang vui vẻ và

vô tội, ta chớ giết hại chúng, không nên. Này! Cậu có muốn xem tôi bắn thì xem này!

Ngức thò vào cạnh sườn lấy ra một con dao nhọn, sắc như nước, đưa cho Rabei:

– Cậu lao con dao này lên cao, tôi sẽ bắn trúng cho cậu coi.

Quả y như lời Ngức, khi lưỡi dao phóng ra thì dây cung cũng vừa bật, lưỡi dao bị phát tên bắn trúng, lật nhào xuống đất.

Rabei vỗ tay thán phục.

Ngức chạy lại lượm dao lên, khoe:

– Đã thắm vào đâu, chút tài mọn ấy! Còn con dao này nữa! Đây là con dao nghề của tôi. Bất cứ da con thú nào dày đến đâu tôi đâm cũng thủng.

Mắt Rabei sáng lên. Cậu hỏi mau:

– Thế còn da người?

Ngức cười sảng sặc:

– Da người có dày hơn da voi không? Cậu hỏi lạ lắm!

– Nhưng da của người có gồng thì sao?

– Thì đâm cũng thủng tuốt!...

Ngức thích thú cười vang trong lúc Rabei trở mắt kinh ngạc. Cậu hỏi:

– Sao bấy lâu nay không nghe chú nói chuyện về con dao ấy?

– Nói làm gì? Khi hữu sự tôi sẽ cho cậu mượn.

Về mặt cậu bé bùng bùng như say rượu. Cậu sung sướng bảo Ngức:

– Chúng ta về thôi!

X

Một trận giặc lòng

– Chú ơi! Năm trước cũng trên chiếc giường tre này sư ông đã cho tôi biết nguồn cơn của câu chuyện kín mà tôi giữ trọn hết năm nay. Bây giờ tôi đã kể hết cho chú nghe rồi; nếu chú không giúp tôi rửa sạch máu thù thì xin chú cũng giữ nhẹm giùm câu chuyện bí mật kia, nghe chú!

Ngực ôm chặt Rabei vào lòng, giọng thổn thức:

– Cậu ơi! Cậu còn bé mà biết nghĩ đến sự rửa sạch cái di vãng đẫm máu của cha mẹ thì tôi, làm người há lại quên bốn phận của kẻ đầy tớ là phải báo thù cho chủ cũ hay sao?

– Lạ quá!

Ngực bùm miệng Rabei:

– Nói nhỏ nhỏ vậy! Lỡ có người nào đứng rình bên vách thì nguy cho chúng ta, cậu nên cẩn thận một chút.

Rabei nín lặng. Bấy giờ Ngực mới nói:

– Ngày trước hồi còn trẻ, lúc ấy chưa có cậu, đảng trưởng đây là bạn thân thích của chủ nhân tôi. Hai người hùn hiệp⁽¹⁾ nhau trong công việc hăm than lậu. Làm cái nghề này phải lẩn lút hàng tháng trong rừng sâu, trải qua

(1) Pn. Góp chung lại. Như *hùn hạp*.

không biết bao nhiêu lao khổ. Tuy cực thế, nhưng hai người được rất nhiều tiền. Khi giàu rồi đảng trưởng lại thay lòng đổi dạ. Người liền lập cách đầu độc chủ nhân tôi chết mà đoạt tiền tài sự nghiệp. Hành động bí mật ấy, tôi dò biết được, nhưng không hở môi. Mãi về sau, đảng trưởng bỏ đi đâu mất. Còn tôi bấy nhiêu năm phiêu lạc, ngày nay mới gặp mặt người. Đảng trưởng không nhận ra tôi vì nét mặt tôi có đổi thay nhiều lắm.

– Vậy ra chú cũng chung cảnh ngộ với Trí Nhân, người nghĩa bộc trong câu chuyện tôi vừa kể cho chú nghe lúc nãy, chú nhớ không?

– Nhớ! Nhưng Trí Nhân là người đồng chủng với cậu, còn tôi chỉ là một tên Mọi của rừng rú vô danh...

– Chú đừng phân biệt như vậy. Hai người tuy có khác màu da nhưng tấm lòng trọng nghĩa đều đáng quý như nhau vậy. Rất tiếc cho Trí Nhân không đến đây được lúc này, để hội ngộ cùng chú mà rửa chung một mối thù in nhau. Biết bao giờ tôi mới gặp được Trí Nhân, người đã ẵm bồng tôi từ thuở sơ sinh.

– Trời đất tuy rộng, song những người như Trí Nhân, như cậu rồi đây thế nào cũng sẽ gặp nhau. Mất người này đã có người nọ. Tôi sẽ thay Trí Nhân giúp cậu trong công cuộc báo thù. Cậu cứ vững lòng tin cậy nơi tôi.

Rabei run giọng gần muốn khóc:

– Khó lắm, chú Ngực ời! Chú nghĩ coi, còn gì tàn nhẫn và bất nghĩa bằng chính tay tôi lại cầm dao đâm chết người đã nuôi dưỡng tôi, đã khóc tôi trong những ngày bệnh hoạn. Vẫn biết rằng bap tôi có ác thật, nhưng nghĩa dưỡng nuôi là nghĩa nặng, nếu không có bap tôi, có đâu tôi còn

sống đến ngày nay để dùng cái sức mạnh của mình, cái trí khôn của mình mà hại người. Trong chất máu của cha mẹ ruột tôi, lại cũng có những chất máu do bạp tôi truyền vào trong gần mười lăm năm nay. Trong đầu óc tôi là ý chí phục thù, nhưng cũng là tư tưởng trung hiếu của bạp tôi thường ký gửi vào.

Tôi là kẻ còn đang lưỡng lự giữa hai con đường. Chú thử nghĩ xem tôi nên chọn con đường nào?

Ngực không ngờ Rabei lại có những lý thuyết người lớn như thế.

Thường con người ta hề càng gặp nhiều cảnh ngộ khuất khúc thì tâm hồn lại càng nảy nở thêm nhiều tư tưởng nhiệm màu.

Hai người lắng nghe tiếng động bên ngoài. Đó là một cảnh khô rụi xuống mặt đất, phủ lá khô.

Ngực hỏi Rabei:

– Tôi thử hỏi cậu: Nếu cha mẹ ruột cậu không bị đảng trưởng giết, thì ngày nay có đâu cậu phải nổi trôi, vất vả như thế này? Giờ này, lẽ ra cậu đang sống vui vẻ giữa một gia đình của cha, có sự vuốt ve của mẹ, thế mà cậu lại phải nằm đây để cho lửa thù nguội dần, theo những cảm tình ủy mị.

Cậu cứ hình dung ra cái vẻ mặt hung ác, bùng bùng sát khí của đảng trưởng khi huơ⁽¹⁾ dao chặt rụi hai cái đầu của cha mẹ cậu, thì cậu sẽ thấy lòng cậu chua xót và căm hờn đến cực nào?

(1) Pn. Huơ.

Rabei rú lên một tiếng náo nuột. Cậu ấm ức khóc không ra tiếng.

Ngức vẫn tiếp:

– Trong khi dòng máu đỏ của cha mẹ cậu tuôn trào ra như suối thì đảng trưởng cất tiếng cười giòn, khoái trá. Cái dòng máu đỏ ấy ngày nay còn sót lại trong huyết quản cậu, lưu lại một ngọn lửa oán cừu còn âm ỷ trong tim cậu. Cái dòng máu đỏ ấy làm hoen ố cả một vùng cây cỏ, hủy hoại cả một gia đình, giết hại cả một cuộc đời tốt đẹp...

Rabei nghẹn ngào:

– Thôi chú đừng nói nữa, tôi hét lên bây giờ?

Hai người nín tiếng để cho cơn phẫn nộ trong tim thanh thoát ra ngoài.

Ngức quả quyết:

– Cậu đã nghĩ chín rồi phải không?

Rabei hít mũi, không nói.

Ngức dỗ dành:

– Nay tôi đã sắp đặt đâu vào đấy sẵn sàng cả rồi. Sau khi cậu trả xong thù cha mẹ, chúng ta sẽ lên ngựa đi gấp ra khỏi chốn này. Rồi cậu sẽ gặp lắm giai đoạn mà chỉ riêng cuộc đời ly kỳ của cậu mới có.

XI

Một đêm đẫm máu⁽¹⁾

Bảy giờ vào khoảng giờ hơi đêm hai mươi, tháng tám.

Một miếng trăng khuyết vừa nhú lên đã vương vào một vùng mây trắng đục.

Có hai bóng người len lén đi ra phía tàu ngựa. Họ đi nhẹ quá, nên không ai nghe tiếng họ bước. Chỉ thấy họ dẫn ra hai con ngựa, một con trắng, một con đen, lộn về phía cổng hậu. Họ buộc hai con ngựa vào một cây cam.

Xong xuôi rồi, họ liền đi thẳng vào trại chính...

.....

Đêm ấy tuy mát trời, nhưng đảng trưởng vẫn nằm thao thức mãi, chưa ngủ. Gần đầu canh ba, người đang mơ màng bỗng nghe có tiếng động trên đầu nằm. Vừa định ngược lên xem thì bị một tiếng nói bí mật, giọng nói của người Kinh, giữ lại:

– Hãy nằm yên!

Rồi tự dưới đầu giường⁽²⁾ nhô lên một người hai tay cầm một lưỡi búa lớn, giơ lên chực bổ xuống đầu đảng trưởng.

(1) Bản 1989: *Cái đêm hôm ấy...*

(2) Bản 1947: *chân giường*.

Vốn coi thường cái chết, đáng trưởng cười ngạo mạn:

– Đứa hèn nhất kia! Người là ai? Mày định vào đây hành thích tao đấy ư? Này! Khôn hồn thì trốn đi! Tao quát lên một tiếng thì mày sẽ tan xác. Cái khí giới mày cầm đó là đồ vô dụng, mày biết chưa?

Người bí mật giấu mặt sau một chiếc khăn lụa đen, gần giọng thách đảng trưởng:

– Nếu sợ chết thì tao không dám vào đây! Mày có run sợ thì kêu cầu cứu đi.

Lời nói cứng cỏi ấy khiến đảng trưởng khâm phục. Người dụ giọng:

– Không! Tao không cần kêu gọi ai cho rộn. Cứ một mình tao, mày cũng không sao thoát khỏi nơi này. Nào muốn nói gì cứ nói đi!

Người bí mật cười khẩy rồi hỏi:

– Thế mày không nhận ra tao, hả Trần Huỳnh?

Đảng trưởng rụng rời kinh khủng. Người chưa trấn tĩnh thần hồn thì người kỳ dị đã tiếp theo:

– Mày hãy nhìn xem, có phải cái áo này tao đã mặc mười lăm năm về trước trong khi tao lên đường về quê không? Cái áo trắng này đã bị vấy máu tao trong khi mày chém tao rụng đầu, mày còn nhớ chứ?

Đảng trưởng nhìn người bí mật cười lạt:

– À! Mày cũng khéo bày trò lắm. Tao biết rồi! Mày là Trí Nhân có phải không? Tao đợi mày hơn mười mấy năm rồi. Tự nhiên đêm nay mày lại đem thân vào miệng cọp. Mày ngu xuẩn lắm mới dám đánh đổi cái chết để trả nghĩa tổ thầy. Vậy mày hãy đi khỏi chốn này đi! Tao tha chết cho mày đó!

– Phải! Tao là Trí Nhân đây! Tao đến chém rụng đầu mày để báo thù cho những oan hồn ở bên kia bờ vô tận... Mày là đấng anh hùng biết hối lỗi, hãy ngửa cổ ra mà trả xong cái nợ giết người ngày trước.

Đảng trưởng cười gằn:

– Được! Mày đã muốn chết thì có khó gì! Nhưng mày phải chết về tay đứa con của Nhạc thì cái chết của mày mới có ý nghĩa.

Đảng trưởng liền quát lớn:

– Rabei đâu? Hãy cứu ta!

Liền theo tiếng quát, Rabei ở gầm giường chui ra. Cậu đứng thẳng lên giơ dao lên cao, đâm phập vào ngực đảng trưởng. Trong lúc không đề phòng, đảng trưởng bị một vết thương suốt tim, máu vọt ra thành vũng.⁽¹⁾

Người chỉ kịp rú lên một tiếng rồi ngã vật trên giường.

Lúc ấy bốn mặt đã có người vây phủ. Bọn Mọi nghe tiếng rú của đảng trưởng nên chạy đến tiếp cứu.

Đảng trưởng gượng la lớn:

– Bắt trói chúng cho ta!

Rồi người nhắm mắt lại lịm đi.

Trong lúc gấp rút, Rabei và người bí mật bị bọn Mọi bắt trói vào cột nhà.

Cái tin đảng trưởng bị hành thích truyền đi trên khắp cửa miệng. Mọi người nhốn nháo, chạy về phía trại

(1) Bản 1989: Người đâm Trần Huỳnh là Trí Nhân chứ không phải Rabei.

chính. Họ đều lấy làm lạ khi thấy Rabei bị trói gần một người bí mật, hình thù quái dị.

Giữa lúc ấy đảng trưởng tỉnh lại; câu hỏi thứ nhất của người là: Ngức đâu ?

Mọi người đều nhìn nhau, trả lời:

– Ngức chưa đến!

Đảng trưởng nhăn mặt, truyền:

– Lột mặt thằng kia ra cho tao!

Một tên Mọi tiến lại gỡ cái khăn đen phủ mặt người bí mật.

Đảng trưởng thét lớn:

– Thằng Ngức!... Đồ phản bội!...

Người lại ngất đi.

Rabei đau đớn nhìn cha nuôi quần quai trên vũng máu đào. Trong lòng cậu bỗng sôi nổi một niềm xót thương vô hạn. Cậu khóc ngất.

Đảng trưởng lại hỏi tỉnh, mở mắt ra, thấy Rabei khóc, người nói:

– Con lại còn nước mắt khóc cha nữa sao? Rabei ơi! Cái công nuôi dưỡng của cha trong mười mấy năm trời, con đã trả ơn bằng lưỡi dao oan nghiệt...

Thôi! Hễ làm ác thì gặp ác! Cha đã giết cha mẹ con thì nay cha phải chết về tay con. Luật trời là thế! Máu có đổ thì thù mới dứt. Nhưng con có biết đâu lòng cha hối hận đến bực nào. Sau khi giết chết cha mẹ con rồi, cha tỉnh ngộ, xét hành động mình là tàn nhẫn và vô lý. Tuổi thiếu niên là tuổi nhiều tự ái. Trong rừng kia có hai con hổ dữ, tất phải

có một con chết đi thì con kia mới sống yên ổn. Cha con chết cũng vì lẽ ấy.

Muốn sám hối tội lỗi mình, cha mới định nuôi con khôn lớn, đào tạo con nên người. Trọn mười mấy năm nay, cái hình phạt tinh thần luôn luôn đè nặng cuộc đời cha, nay chết đi cũng chưa trút sạch.

Quay qua Ngúc, đảng trưởng hỏi:

– Còn mày, tại sao mày lại từng đảng với Rabei?

Ngúc trợn mắt:

– Đứa bé kia biết trả thù cho cha, thì tao đây, sao há lại không biết trả thù cho chủ hay sao?

Đảng trưởng phân vân chưa hiểu. Ngúc liền nói với bọn Mọi đứng quanh đó:

– Múc cho tao chậu nước!

Bọn thủ hạ của đảng trưởng vì không nghe được tiếng Kinh nên nãy giờ đứng ngơ ngác. Đến khi nghe Ngúc dùng tiếng thổ dân, chúng mới hiểu. Một đứa liền chạy đi.

Rabei hãy còn sụt sùi nước mắt.

Đảng trưởng vừa đưa tay lên, sờ cán dao toan rút bỗng nghe Ngúc truyền mức nước thì lấy làm lạ, ngừng tay lại.

Tên Mọi lúc nãy đem nước vào. Ngúc bảo nó:

– Mày rửa mặt giùm ta!

Không ai đoán được ra kết quả thế nào. Thì lạ lùng chưa! Lốp nước vuốt qua mặt Ngúc tức thì chùi sạch lớp da đen của Ngúc.

Mọi người đều hải hùng reo lên một tiếng kinh ngạc. Cùng một lúc, Rabei và đảng trưởng thốt ra hai tiếng gọn:

– Sư ông!

Sư ông nhếch môi cười, lễ phép chào đảng trưởng:

– Bản đạo xin kính chào đảng trưởng! Quả bản đạo là Trí Nhân, đúng như lời đoán của đảng trưởng khi nãy vậy.

Đảng trưởng uất ức hét to:

– Chúng bay bắn chết chúng nó cho ta!

Người lại ngất đi, máu trào ra miệng.

Mười tên Mọi liền tra tên vào nỏ. Chúng có tiếng là những tay thiện xạ của Trôm-Kuang-Bra. Chúng đưa nỏ lên ngang tầm mắt, nhắm...

Trí Nhân vẻ mặt không thay đổi gọi Rabei:

– Tiểu chủ ơi! Bây giờ thì chúng ta vui vẻ mà chết nhé!

Trong phút ghê gớm ấy, đảng trưởng bỗng tỉnh lại. Người đưa tay ra hiệu ngăn lại:

– Pà!... Pà!... (Tha!... Tha!...)

Rồi đưa tay rút phất con dao ở ngực ra. Máu trào lai láng.

Bọn thủ hạ có mặt ở đó đều òa lên khóc lớn.

XI

Đường về ánh sáng

Vì cảm nghĩa dưỡng nuôi, Rabei bàn cùng Trí Nhân nên ở nán lại một hôm để lo việc táng an đáng trưởng. Trí Nhân cũng đồng ý.

Xong đâu đấy rồi, hai người liền từ giã tất cả người trong xóm:

– Từ nay, chúng tôi không còn được gần gũi các người nữa, không còn được cùng các người chia sẻ những nỗi buồn vui như trước. Lát nữa chúng tôi sẽ ra đi. Các người cũng đừng nên tìm hiểu nguyên lý của sự ra đi ấy. Chỉ nên nhớ rằng sau khi chúng tôi đi rồi, các người hãy tiếp tục công việc rầy bái. Yên ổn làm ăn. Hãy luôn luôn nhớ cái nghĩa hợp quần, một lòng, một dạ, cùng nhau gây nên hạnh phúc vững bền. Còn những việc xảy ra không dính dáng gì đến các người thì các người cứ coi như là không có chuyện gì lạ cả. Thôi, đã đến giờ chúng tôi lên đường!...

Trí Nhân nói với Rabei:

– Chúng ta phải đi suốt đêm nay và một ngày mai nữa mới tới đường cái quan. Ngựa tuy đi mau nhưng vì rừng bụi hiểm trở, chúng ta không thể đi gấp được. Có đói đã có khoai lang luộc và cơm khô, lo gì!

Dọc đường, Rabei hỏi Trí Nhân:

– Vì sao ngày trước sư ông lại bỏ tôi ra đi? Nếu sư ông ở lại thì có phải tôi đã sớm trả xong thù rồi không?

Trí Nhân giảng:

– Vì nghe tiểu chủ cho biết rằng đảng trưởng có gông, nên trọn năm nay tôi lặn lội khắp nơi để chuốc⁽¹⁾ cho được con dao này.

Rabei lại hỏi:

– Nhưng sao sư ông lại phải cải trang sửa dạng như thế?

– Ấy là vì tôi không muốn đội lốt nhà sư, dự vào những việc đổ máu.

Nhưng đến khi thấy việc đã lỡ rồi, tôi muốn cho Trần Huỳnh biết tôi là ai, trước giờ chết, thế thôi!

– Trần Huỳnh không nhận ra sư ông là Trí Nhân sao?

– Ngày trước nó ít hay gặp tôi, đã mười mấy năm rồi, con người già đi, nên mặt cũng đổi thay rất nhiều.

– Còn chuyện Trần Huỳnh đầu độc?...

– Ấy là tôi bịa ra đấy thôi!

Hai người cùng cười lên.

Rabei hỏi Trí Nhân:

– Kể Trần Huỳnh cũng đáng kính phục sư ông nhỉ?

– Vâng! Nhưng cậu cứ gọi tôi bằng bố cho thân mật hơn.

Có gió mát, trăng sắp lên...

(1) Tim. lảnh.

XIII

Những kỷ niệm xưa

Hai con ngựa dừng vó lại trước một cảnh chùa nằm khuất dưới chân một ngọn đồi nhỏ. Trí Nhân tuột xuống trước bảo Rabei:

– Tiểu chủ hãy theo tôi vào đây. Còn lắm sự ly kỳ, tôi cần phải giải cho tiểu chủ rõ.

Hai người lần lên những bậc đá. Trí Nhân dẫn Rabei qua một cái sân rêu, đi vào Phật điện. Rabei hỏi Trí Nhân:

– Bõ ở đây có một mình sao?

– Tôi ở đây với sư cụ. Người già lắm. Việc đời hầu như quên lãng. Suốt năm, sau những giờ tụng niệm, người không đi đâu cả.

Trí Nhân lại dẫn Rabei vào một gian buồng tối.

– Đây là đâu? Cậu bé hỏi.

– Đây là liêu tôi. Tiểu chủ cứ ngồi xuống giường.

Rabei ngồi. Trí Nhân liền mở một chiếc rương cũ, lấy ra một cái tay nải lớn. Chàng vừa mở ra vừa nói với Rabei:

– Trong gói này có những kỷ niệm của ông và bà nhà. Tôi vẫn giữ kỹ cho đến ngày nay. Đây đây là cha và mẹ cậu, cậu hãy nhìn xem.

Rabei vô lấy hai tấm ảnh bán thân ở trên tay Trí

Nhân. Cậu khóc òa lên. Trí Nhân cũng cảm động khóc theo.

Chàng lại lấy trong bao ra một đồng quần áo con nít:

– Đây là quần áo của cậu đủ sáu bộ, không mất một cái nào.

Lại chỉ vào mình, tiếp:

– Còn đây là chiếc áo của ông nhà mặc lúc bị giết chết. Cậu xem, những vết máu đã đen sẫm⁽¹⁾ lại.

Vừa nói Trí Nhân vừa cởi chiếc áo ra:

– Vào đây! Tôi không có quyền được mặc chiếc áo này nữa. Lát nữa, tôi sẽ khoác lại chiếc áo màu chàm, lên gác thính chuông chiều.

Rabei cảm động không nói nên lời.

Trí Nhân khuyên nhủ Rabei:

– Cậu chớ nên phiền não vô ích! Đêm nay cậu ngủ ở đây. Sáng mai hãy lên đường. Cứ theo quan lộ cậu tìm về tỉnh. Nơi ấy có hai ông bà một gia đình giàu có, nếu còn sống, chắc sẽ khóc nhiều vì con, vì rể. Họ sẽ nhìn cậu là cháu ngoại của họ, cháu Nguyễn Hòa Lê của họ, chớ không phải tên Rabei của rừng xanh man dã. Họ Nguyễn và họ Lê hòa nhau thành tên cậu. Cậu là kết tinh của một dòng máu tốt. Cậu nên nối chí cha mà làm những việc ích lợi cho xã hội nhân quần.

Cậu hãy tìm tới chốn học đường để lĩnh hội cái ánh sáng uyên thâm của đạo làm người. Phải sống cho ra sống. Phải sùng tượng trong tâm tư hình ảnh của tổ tiên và cái hồn thiêng của đất nước... Bởi vì: “Cây có cội, nước có nguồn”.

(1) Sic.

Có tiếng sư già tụng niệm ngoài Phật điện. Trí Nhân chấp hai tay trước ngực, giọng buồn rầu:

– Xin phép tiểu chủ cho tôi ra thỉnh chuông chiều.

Rabei níu lại:

– Bỏ đi đâu! Bỏ phải theo tôi về tỉnh mới được.

Trí Nhân nghiêm giọng trách Rabei:

– Cậu Hòa Lê! Cậu không dứt được sợi dây giằng buộc tâm thường để cho kẻ tu hành này đi nốt con đường đạo lý hay sao?

Rabei buông áo nhà sư, mắt mờ ngấn lệ.

Tiếng chuông chiều ngân lên, buồn hơn tiếng khóc.

Hoàng hôn xuống thấp. Ngày cũ sắp tàn theo đêm nay để sáng mai trời sẽ rạng đông, chờ một ngày mới bắt đầu, đầy ánh sáng và đầy hy vọng...

XIV

Đoạn phụ

Năm ngoái, có một đoàn người đi săn lạc tới trong rừng sâu.

Ấy là một đêm không trăng, trời tối đen như mực.

Thấy có ánh lửa lập lòe đằng xa, bọn người đi săn đồ chừng ở đấy có xóm nên lần tới để tìm chỗ trú ngụ.

Nhưng khi tới nơi thì ánh lửa biến mất. Họ chỉ thấy sờ sờ trước mắt một trái núi đen ngòm. Trên cao, có tiếng người gọi vọng xuống:

– Có phải Rabei đấy không?

Một người trong bọn họ liền ngược đèn đi săn, rọi lên. Trên một tảng đá cao, có bóng một người kỵ mã cưỡi con ngựa trắng.

Người ấy liền hỏi lại:

– Ai đó? Rabei nào?

Không có tiếng trả lời. Mà bóng người kia cũng biến đâu mất.

Từ đó không còn ai dám bén mảng tới núi Beo.

Loài thảo mộc mọc ngang tàng khắp lối. Và mỗi bình minh tiếng công lại “tổ hộ” vang rừng.

Đoạn công đã rủ nhau trở về núi Beo đông đủ như trước.

XV

Đoạn kết⁽¹⁾

Lê kể xong chuyện thì bữa ăn sáng cũng vừa dứt. Viên đoàn trưởng tỏ vẻ rất hài lòng:

– Bây giờ thì anh em tin Lê lắm rồi. Ngày mai hay ngày kia, em sẽ tới quê cha, đất tổ. Chắc em không quên tìm lại người bố già – sư cụ Trí Nhân. Em sẽ nói gì với sư cụ? Hẳn em phải nói rằng: “Một đứa con trai đã rửa xong thù nhà, nay đã tới lúc phải rửa sạch nhục nước. Sư cụ Trí Nhân liệu có thể xuống núi một lần nữa không? Có thể lắm chứ! Hồn thiêng sông núi đang kêu gọi da diết. Không ai có thể thờ ơ trước tiếng gọi khẩn cấp đó”. Thôi! Em lên đường! Anh chúc em sớm thành công.

Nguyễn và Lê bịn rịn vẫy tay chào đồng đội. Trên đầu họ là tiếng lá reo xào xạc hòa cùng tiếng ve kêu rộn rã nghe như khúc nhạc lên đường.

Làng Cây Gáo, huyện Vĩnh Cửu, năm 1942

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 1988

(1) Tác giả viết thêm vào năm 1988, cùng với chương I: *Trên đường về*.

SAU DẪY TRƯỜNG SƠN

PHẦN THỨ NHẤT

Chiếc đồng hồ treo trên vách rè rè như một bình nhon lên cơn suyễn, rồi thông thả điểm mười một tiếng. Những tiếng tíc tắc quen thuộc lại nhịp đều đều sau lúc đó, nghe buồn buồn như tiếng giày của một khách lữ hành trên đường thiên lý. Ngoài đường bóng cây thâu hẹp lại. Ánh nắng cay cay như trộn mùi ớt hiểm. Bụi dăng trên các nẻo đường bóng loáng như có một lớp nước mỏng trắng lên.

Phú đẩy cửa bước vội vào nhà, gọi vợ:

– Minh ơi!

Chị Phú “dạ” một tiếng rồi tất tả từ dưới bếp chạy lên nhà trên.

Phú cởi⁽¹⁾ áo ngoài mặc lên “sùng nai” hỏi tiếp:

– Thằng Quý đâu?

– Nó chưa về, mình à!

Phú chắc lưỡi, giọng hờn dỗi:

– Học với hành! Ham học lắm, có bữa chết!

Chị Phú vừa lau tay vừa nói:

– Ở trường cũng có hăm núp, không sao đâu. Ráng cho con nó học gấp trong sáu tháng đặng đi kiếm chỗ làm với người ta...

Phú phì cười, mĩa mai:

– Quân Nhựt sẽ bại trận nay mai. Học tiếng Nhựt để làm gì?

(1) Pn. cởi.

Chị Phú nghi ngờ:

– Sao mình biết?

– Sao lại không. Các đảo quan trọng ở Thái Bình Dương lần lượt bị quân Đồng Minh chiếm hết. Hiện nay quân Nhật chỉ có đường lùi, chứ không có đường tiến nữa. Những hiểm cứ ở Miến Điện đều lọt vào tay quân Anh. Trên bộ như dưới biển, quân đội Nhật đang ở trong tình thế của những kẻ giải vây trời chết. Những thành phố lớn bên chánh quốc bị dội bom liên liên. Vậy mà người Nhật vẫn không bỏ tham vọng thôn tính nước mình.

Chị Phú chen vào:

– Bởi vậy, tôi mới cho thằng Quý đi học tiếng Nhật...

Phú lại phì cười, lắc đầu bảo vợ:

– Tôi nói mình đừng giận. Mình cũng như đại đa số người mình, chỉ biết “nặng bẻ nào, che bẻ nấy”. Học được thêm một thứ tiếng ngoại quốc tức là một điều hay. Nhưng học nháp nhem để “đi làm” thì học có ích gì?

Người Việt Nam muốn độc lập thật sự phải tự mình tranh đấu mới đi tới kết quả vinh diệu⁽¹⁾. Không nên tin ai hết.

Cối giày xong, Phú lại nghiêm giọng tiếp:

– Này! Rồi tôi cho thằng Quý thôi học...

– Kệ, để con nó học, nghỉ rồi cũng không làm gì...

– Tôi nhứt định rồi, mình à! Chúng ta sẽ đi xa.

– Đi xa?

– Ở đây có bữa chết vì bom đạn vô tình của phi cơ Đồng Minh. “Trâu bo húc nhau, ruồi muỗi chết”. Mình chết

(1) Rực rỡ, vẻ vang.

không gì ngoài mục đích cơm, áo thì lại càng vô lý. Mình coi đó: mỗi ngày, có những phi đội Anh Mỹ từ những căn cứ Ấn Độ, Miến Điện bay ngang Sài Gòn để chở thêm quân lính chiếm đóng trên những hòn đảo vừa mới chiếm, hoặc để vận lương cho họ, thỉnh thoảng lại thả xuống Sài Gòn một mớ bom. Dân Sài Gòn chết lổn ngổn. Mình nên nghe tôi, tìm một chỗ thật xa lánh đỡ ít lâu. Tuy không phải là một chiến sĩ cách mạng, tôi tin chắc rằng thế nào rồi trên dải đất Việt Nam này cũng sẽ có sự thay đổi mới mẻ...

Chị Phú đặt mâm cơm xuống ván, mỉm cười giản dị:

– Đi đâu xa cho mệt! Nếu mình sợ bom thì mình theo tôi. Chúng ta đem con về nương náu ở nhà quê trong ít lâu...

Phú đứng dựa cửa nhìn ra đường, nhưng vẫn theo đuổi câu chuyện đang nói. Phú bác hẳn ý kiến của vợ:

– Về nhà quê để nằm mà ăn, à?

– Săn ruộng đất của nhà đó! Mình không muốn nằm không thì chúng ta lãnh một phần đất, xúm nhau trồng mía, trồng lúa, vui vẻ bao nhiêu.

Phú trề môi:

– Nếu tôi ham thú “điền viên” thì tôi đã về vườn lâu rồi. Mình là đàn bà mà nhứt là đàn bà phương Đông quen phục tùng, giỏi công việc nhà, dốt chuyện xã hội, tôi khó nói chuyện với mình quá...

– Mình khi⁽¹⁾ tôi vừa chớ!

Phú cười xòa, làm lành:

(1) Pn. Khinh.

– Thôi, tôi xin lỗi mình. Đợi thằng Quý về ăn cơm, tôi sẽ nói chuyện cho mình nghe. Còn nhiều chuyện lý thú lắm. Lau mặt và nghỉ tay một chút rồi lại đây coi thiên hạ “chạy bom” với tôi cho vui.

Năm phút sau, hai vợ chồng Phú đã đứng gần nhau, trước cửa.

Trời càng trưa, số người đổ ra ngoại ô càng nhiều. Họ tìm chỗ xa thành phố để tránh bom vì hồi này, những chiếc máy bay trắng trắng và xinh xinh của phi đội Mỹ thường viếng Sài Gòn.

Mãi rồi người Sài Gòn không tin ở còi báo động nữa. Họ rủ nhau đi trước giờ báo động và đã phân biệt được tiếng động cơ máy bay Anh, Mỹ và máy bay Nhật. Có một số người khác lấy sự hồi hộp làm thú. Họ không đi đâu hết. Họ cũng không núp hầm. Họ đợi máy bay Đồng Minh tới để làm điều vui tai, thích mắt.

Họ bảo rằng: Tiếng động cơ của máy bay Anh, Mỹ nghe hùng dũng hơn tiếng động cơ máy bay Nhật. Cũng như trước kia họ đã kháo với nhau rằng: Máy bay Nhật bay mau hơn máy bay Pháp.

Vì nhà ở ngoại ô, nên Phú ít lo sợ hơn những người ở trong thành phố.

Để phòng xa, vợ chồng Phú đào một cái hầm ở bên vách nhà. Song không mấy khi, vợ chồng Phú ra núp ở đó. Mùa mưa, cái hầm thành giếng. Mùa nắng, thì cái hầm ấy lại biến thành chỗ đổ rác. Mãi rồi quen đi, người ở ngoại ô lần lần bớt sợ máy bay. Trong những giờ có động, họ vẫn ngồi im trong nhà, hoặc cứ lặng lẽ tiếp tục làm công việc đang làm nửa chừng.

Kiểm" nhà thờ nức lên lạnh lạnh.

Nhiều loạt lá điệp rụng âm thầm trong im lặng. Trên các phố Sài Gòn, khách đi đường mỗi phút một vắng. Người ta cảm giác như đang ở vào thời kỳ giới nghiêm trong một thành phố bỏ trống.

Phú chỉ một cậu bé mặc đồ "sọt" ka ki vàng đang đi mau theo đám người "lánh bom" nói với vợ:

– Con nó về kia! Vào sửa soạn đồ ăn cho nóng, đi mình.

Trời vừa tối, Phú đã hội vợ con lại dưới đèn. Chị Phú bàn:

– Ngoài kia, trăng đẹp lắm. Chúng ta đem ghế bố ra ngồi, vừa nói chuyện, vừa ngắm trăng, mát mẻ hơn là ngồi nhốt mình trong căn nhà tối tăm và chật hẹp như cái hộp quẹt này.

Quý tán thành lời mẹ:

– Đi ba! Trăng mát quá.

Phú âu yếm nhìn con:

– Càng về khuya, trăng càng đẹp. Con trăng giờ này của thiên hạ. Lát nữa, con trăng mới là của mình. Vả lại ba cũng có chút chuyện riêng cần bàn với má con và con.

Chị Phú trêu chồng:

– Mình làm như việc đi Lào là việc đi vòng quanh thế giới!

Quý cười xòa trong khi Phú nhú mày, chắc lưỡi. Phú nghiêm giọng:

– "Trẻ con" mãi, quen tật. Thằng Quý năm nay mười

(1) Pn. Chuông.

sáu tuổi rồi. Sắp có vợ đến nơi mà không đứng đắn chút nào hết.

Lời nói cợt của Phú không ngờ đã khiến lòng Quý hây hây buồn. Cậu nhớ tới cô bạn đồng học có đôi mắt đen huyền và lóng lánh: Ánh Mai. Trong lớp dạy tiếng Nhật có cả thầy sáu nữ học sanh. Chỉ có Ánh Mai, cô gái mẹ Lào, cha Việt, là được Quý có cảm tình hơn hết. Tâm hồn Quý, từ ấy, như văng trắng trong vương một đợt mây buồn. Không biết có nên nói là Quý đã yêu Ánh Mai không. Lòng Quý như mặt hồ hiu hiu xao sóng. Những lúc Quý thấy buồn vợ vẫn là lúc Quý thấy nhớ Ánh Mai. Trên bước đường tương lai vời vợi, Quý mơ màng một người bạn đồng hành chung tâm chí: người đi bên Quý sẽ là Ánh Mai vậy. Nhưng kể từ mai, Quý đã xa Ánh Mai rồi, xa Ánh Mai mà không hẹn ngày tái ngộ.

Khi nghe những lời từ giã của Quý, cô gái nhỏ im đi gần hai phút mà không biết phải nói gì. Đôi mắt tròn như hột nhãn hấp háy một thoáng buồn điệu vợi. Buổi chiều hôm ấy, trước khi từ giã hẳn thầy và bạn, Quý nhận được một lá thư nhỏ của Ánh Mai, đại lược những đoạn này:

... Ngày mai, ngày kia, Quý đã xa tôi đi về nơi tôi chôn nhau, rún. Không biết quê hương của mẹ tôi có gây được sự vui vẻ cho lòng Quý không. Riêng tôi, tôi cầu chúc Quý "thượng lộ bình an".

Trong những giờ Quý nhìn cây, có nơi non nước mới mà buồn là lúc Ánh Mai nhớ Quý và nhớ quê mẹ vậy...

– Đây, chúng ta sẽ tới chỗ này.

Quý như người tỉnh mộng, nhìn mũi viết chì đỏ của Phú kéo dài theo một nét vẽ đỏ và ngừng lại một cái chấm đen có chứa chữ "Khong" nhỏ gần bên.

Chị Phú hỏi:

– Là đâu?

Vẫn một giọng đều đều của một người giảng bài, Phú đáp:

– Tỉnh Khong, một tỉnh nhỏ của miền Lao hạ, cách Sài Gòn gần 400 cây số. Tới đây, chúng ta sẽ ở nhà một người bạn cũ là anh Tùy trong ít lâu, đợi lúc nào mộ phu xong mới vào rừng bắt tay vào việc. Hiện nay anh cũng chưa biết quân đội hàng không Nhựt định lập phi trường ở nơi nào cho kín đáo để là chỗ cất cánh khi mất những căn cứ quan trọng.

Rồi Phú ngẩng lên, mỉm cười nói nhỏ với vợ và con:

– Quân Nhựt sẽ làm việc vô ích. Hiện nay bộ binh Nhựt đang mộ phu đào những đường hầm rộng và dài phòng ngăn bước tiến quân của đối phương. Nhưng quân Đồng Minh chưa nghĩ tới việc đánh Đông Dương mà cứ nhắm ngay Đông Kinh (Tokyo) để làm cái đích thắng trận.

Quý ngáp ngừng chen vào câu chuyện:

– Con nghe nhiều người Nhựt bảo rằng: Nếu một mai chánh quốc có bị xâm chiếm, họ cũng chưa phải là bại trận. Họ sẽ tổ chức những cuộc kháng chiến trường kỳ trong những miền rừng núi và trên các hiểm cứ họ đang chiếm giữ trong cõi Á Đông này.

Phú lại phì cười:

– Nước Nhựt không bao giờ đánh nổi Đồng Minh mặc dầu quân lực của họ vẫn còn đông mạnh lắm. Chúng ta không phải là con nhà tướng không nên bàn việc quân sự. Đây ta chỉ nói việc của ta, của gia đình và đất nước của ta thôi.

Chị Phú như nghĩ ra điều gì, liền hỏi chồng:

– Mình nói rằng mình không “theo” Nhựt mà mình đi giúp họ thiết lập những căn cứ không quân!

Phú nhíp viết chì lên tấm bản đồ, cắt nghĩa:

– Cái cảnh của ta hiện giờ như cảnh Lưu Huyền Đức về ở chung với Viên Thiệu ở Hà Bắc. Ta cứ núp giặc mà không theo giặc. Sự ráng sức của quân Nhựt sẽ thành ra vô ích. Những phi trường kia ở trên đất ta rồi sẽ thuộc về của ta. Em khéo lo nghĩ xa xôi quá.

Phú quay lại nhìn ra sân rồi quay vào nói nhỏ với con:

– Hiện nay, có rất nhiều ổ kháng Nhựt đã thành lập trong những vùng rừng núi. Riêng ở Bắc, người nước ta đã chiếm hẳn một khu độc lập trên vùng thượng du. Chúng mình ra đi kỳ này là đi vào một cuộc sống vô cùng lý thú, chuyện ấy là chuyện ngày mai, chuyện lịch sử, ta hãy tạm gác một bên. Chúng mình nên nói chuyện về cuộc hành trình sang xứ Lào trước.

Ba người sát đầu nhau chăm chú vào mũi viết chì đỏ của Phú. Phú nói:

– Từ Sài Gòn đến Kratié đường dài 145 cây số. Từ Kratié chúng ta sẽ bước vào một con đường mới: đường thuộc địa số 13...

– Số 13? Nghe sợ quá.

Phú vuốt tóc con, mỉm cười:

– Phải, con số 13 là con số xui xẻo. Nhưng con có biết ai đã làm con đường ấy không?

– Con nghe nói viên toàn quyền René Robin đã vẽ cái chương trình mở mang con đường thuộc địa ấy...

– Nhưng xây đắp lại do tay người mình! Con có biết không: bao nhiêu mạng người đã tưới mồ hôi và nước mắt lên quang đường dài ấy. Trước kia, con đường ấy là con đường “hẻm” (piste) xuyên qua rừng. Sở lục lộ đã định một quang thời gian bốn năm trong công việc khó khăn ấy. Nhưng rồi con đường thuộc địa số 13 chỉ trong vòng hai năm là hoàn thành, kể từ năm 1935 tới năm 1937. Bởi vậy công việc làm rất gấp, lúc nào cũng phải dùng tới 6.000 nhân công⁽¹⁾.

Người ta thuật lại rằng: xứ Lào là xứ đầy lam chướng⁽²⁾. Nắng ghê gớm và mưa lụt trời. Một số đông anh em tù nhân chính trị đã ngã gục trên quang đường này, thây phơi giữa thác, gành, quanh năm chỉ có tiếng vượn kêu buồn.

Bên ngoài trăng đã lên cao. Phú kéo vợ, con đứng lên, nói lớn:

– Bây giờ chúng ta đi thưởng trăng.

Quý còn tiếc, yêu cầu Phú:

– Bà nói tiếp nữa, đi ba. Con muốn nghe những chuyện là lạ như thế lắm.

– Ngày kia, chúng ta sẽ lên đường. Ba sẽ nói chuyện cho con nghe. Còn lắm điều lý thú đang đợi ta trên bước đường sang Lào.

Quý không hỏi nữa. Cậu nheo mắt nhìn trăng và nhớ tới hình vẽ “cô gái Lào” bên những nóc nhà cao cẳng trên

(1) Theo tài liệu của bài diễn văn *Sur la route coloniale N°13* của ông Nguyễn Khắc Nguyên, đọc tại Hà Nội ngày 23 Avril 1939 (LVS).

(2) Khí độc bốc lên ở vùng rừng núi khiến con người sinh bệnh, theo quan niệm cũ.

những tấm giấy số Đông Dương. Hình ảnh Ánh Mai lại trở về với Quí.

Cuộc viễn trình khởi sự ngay tối hôm nay, đúng vào tuổi con trăng tròn. Thời tiết đang ở vào mùa lạnh, nhưng từ đầu hôm, một giòng sương nhỏ ứa xuống trần gian, tê buốt. Vầng trăng lóng lánh ở một góc trời như ngọn đèn tiền đưa, thấp trên một ngọn núi cao.

Mười chiếc xe kiểu vận tải đã rồ máy. Tiếng người nói líu lo càng phút càng hăng. Bọn lính Nhựt xô những người cuối cùng lên xe, giữa những tiếng khóc biệt ly của một số đông đàn bà đứng lối nhỏ theo lề đường.

– Thôi, mình về nuôi con.

– Mình đi, mạnh giỏi...

Chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Những tiếng trẻ con khóc thét lên nghe đau buốt. Tiếng động cơ rồ lên trong những vầng khói đặc làm át mất những lời từ giã cuối cùng giữa người đi, kẻ ở.

Tiểu gia đình của Phú thuộc dạng tình nguyện ra đi nên được ưu đãi. Vả Phú là “chủ thầu”, thông minh và giỏi việc nên quân Nhựt đối đãi vào hàng thượng khách. Phú và vợ con được sắp ngồi chung với bọn sĩ quan trong chiếc xe thứ nhì.

Người Nhựt vốn rất thích nói chuyện với những người Việt Nam giỏi tiếng nước họ, nên cuộc trao đổi ý kiến của đám quân Nhựt và cha con Phú vẫn chưa dứt khi đoàn xe bắt đầu chuyển bánh.

Chị Phú bầm chồng, chỉ những người đàn bà đứng dài theo đường, nói nhỏ:

– Tội nghiệp quá. Vợ chồng, cha con người ta đang vui về...

Thừa lúc Quý đang mê chuyện với đám quân nhân Nhựt, Phú phân bua với vợ:

– Trong số người tình nguyện ra đi có những người bị quân Nhựt bắt ép, như mình đã biết. Khi tới đất Lào, tôi sẽ kiếm cách giúp họ trốn về xứ sở.

Chị Phú gật đầu:

– Ủ, mình nhớ làm như vậy, nghe mình. Bọn mình tình nguyện ra đi mà còn thấy ngùi ngùi giữa phút lìa xa xứ sở. Huống chi là họ.

Lúc đầu mười chiếc xe còn theo đuôi nhau như một đoàn xe lửa. Qua cầu Bình Lợi, đoàn xe bắt đầu lơi lẩn nhau để tránh bụi.

Quý ngừng nói chuyện, trở về với những cảm giác buồn buồn đang tỏa hắt hiu trong con tim nhỏ của mình. Lần thứ nhất, Quý rời bỏ quê hương. Tâm hồn cậu cứ vẫn vơ mãi theo những bóng đèn xao xác dưới bóng cây lù mù, trong những mái gia đình Việt Nam rải rác xa, gần sau ruộng mía hay trên cánh đồng bao la.

Trải bao cảnh biến cố đã xảy ra trên đất nước, ngọn đèn Việt Nam vẫn còn ấm áp bên những tấm lòng hòa bình. Mỗi buổi tối, vẫn có những cuộc sum họp dưới đèn. Người dân quê kể lại cho nhau nghe công việc ruộng nương đã làm trong ngày ấy. Những bữa ăn đạm bạc vẫn còn khiến được những người ngồi quanh mâm yêu thương nhau. Sau bữa ăn, bà lại kể chuyện cho cháu nghe trong khi bên ngoài

muôn, vạn lá mĩa đập vào nhau như muôn ngàn đao kiếm. Trong chuồng, bầy trâu vẫn lục đục trong đám phân nhầy nhụa, không nghĩ tới sự thoát ly khỏi ách cày bó buộc của loài người. Trong khi ấy, trên các bờ đại dương nước biển đang âm thầm gặm mòn lục địa và tiếng của kẻ mạnh đang giết lẫn kẻ yếu trên khắp cõi sa trường.

Dọc đường từ Sài Gòn lên Thủ Dầu Một, cảnh nhà quê bày ra dưới trăng một bức tranh nửa tối, nửa sáng. Vẫn những mái tranh thấp lè tè, đứng yên phận bên ao bèo nước đọng, hoặc khấp nép bên những ngôi nhà ngói trông nghinh ngang, hách dịch như kẻ cường hào. Đời sống của thôn dân im lặng mãi ở mực cũ, buồn bã như cảnh trăng nhà quê, đêm nay và những đêm về trước.

Đoàn xe không ghé tỉnh Thủ Dầu Một, bon bon trên con đường đi Lộc Ninh. Vào quang đường này, Quý đã có những ý tưởng khác. Thay vào cảnh phẳng lặng lù mù lúc nãy, những hàng cây già chen lấn nhau đứng dài theo đường như hai bức tường đá. Con đường như thâu hẹp lại, dài hun hút và sâu hóm như lòng khe cạn.

Tới cây số 55, Phú chỉ cho vợ con thấy cảnh Ông Yệm và nói cho biết đó là nơi nhốt những trẻ vị thanh niên. Xe lại bắt đầu vun vút qua rừng như một đoàn mãnh thú đang điên cuồng đuổi nhau. Quý rất thích những chú chim “mắt đỏ” đứng giữa đường nhìn đèn như khiêu khích; chúng cất cánh bay vút lên khi xe trườn mình tới và lại đáp xuống sau khi xe chạy khỏi. Hỏi Phú thì Phú nói đó là loài chim đáp muỗi. Khách ở rừng thường thấy lạnh lòng vì loài chim ấy cứ thức suốt đêm buông giọng buồn thảm “Sáng chưa? Sáng chưa?” cho đến khi con công đầu tiên lên tiếng mới chịu thôi.

Một giờ sau, đoàn xe chun vào những dãy rừng cao su bát ngát và từ từ tiến vào Lộc Ninh. Bỏ Lộc Ninh, đoàn xe lên đường đi Kratié, Quý hỏi hộp khi đoàn xe vượt qua biên giới, vào đất Cao Miên.

Thời tiết đã bắt đầu khác. Bầu không khí bỗng trở nên lạnh ngắt. Sở cao su này nối tiếp sở cao su kia. Cuộc khai khẩn của nhóm tư bản, hằng năm đem lại cho họ những món lợi khổng lồ, phần đông nhờ ở mồ hôi và nước mắt của bọn phu vô sản.

Phú nói cho vợ và con biết rằng những cây cao su xanh xanh ngày nay đứng ngất ngưỡng như đám quân sĩ trong một cuộc duyệt binh kia, đã lớn lên trong tiếng khóc nhục nhằn của bọn cùng đinh khổ sở. Nhứt là ở Lộc Ninh, bọn cu li phần đông đều ở xứ Bắc mộ vào. Quanh năm, họ chỉ có vồn vẹn một chiếc áo màu già che thân và gói tình xứ sở trong tấm thân tàn ma dại.

Họ lia bỏ xứ Bắc vào Nam, hoài bão một sự nghiệp to lớn và một tương lai tốt đẹp. Họ ký tên bán rẻ cuộc đời, rồi giam hãm thân mình dưới hầm tàu tối tăm hơn nhà ngục. Trong khi linh đình trên biển cả, họ bắt đầu thấy mình thành con vật. Ăn, uống thiếu thốn, kham khổ; ngủ không yên giấc vì thiếu không khí mát mẻ.

Khi đặt chân lên xứ sở của đồng bào miền Nam, cái mộng “thiên đường” của họ không còn nữa. Họ bắt đầu bị đưa vào những miền sơn khê lam chướng. Họ đốt rừng, phá nổng để xây dựng sự nghiệp cho người khác. Kiếp sống của họ là kiếp sống của những kẻ bị tù đày. Ngày về xa vắng lạnh.

Quý ngẩn ngơ buồn, hỏi cha:

– Làm sao cho họ hết khổ, hờ ba?

Phú vấn tất:

– Họ sẽ hết khổ khi nước mình tự chủ.

Đoàn xe đổ một quãng dốc dài. Bọn sĩ quan Nhựt đã dựa vào nhau, ngủ ngon lành ngay từ sau khi đoàn xe từ già Lộc Ninh.

Đoàn xe nghỉ hai giờ đồng hồ ở Kratié. Bọn người xa xứ, trèo xuống xe, ngơ ngác giữa một tỉnh thành đang ngái ngủ.

Kratié là một tỉnh lớn của Cao Miên. Kratié hay “Cần-ché” cũng thế, là một nơi đô hội, với những dãy nhà lầu kiến trúc lối Âu. Trong tỉnh cỏ vườn chơi rộng lớn; đường phố thênh thang. Nơi này đã cung cấp một số lớn trâu, bò cho người trong nước.

Khi đoàn xe từ già Kratié, mọi người đều không chống nổi với cơn mệt mỏi dọc đường. Họ dựa vào nhau ngủ gục, không còn thiết gì cảnh lạ quê người nữa.

Mảnh trăng nghiêng lặn xuống dãy rừng lù mù đen hướng tây nam. Gió ướn thổi phần phật.

Phú và Quý kéo mền đắp cho chị Phú đang ngủ thiếp trên ghế dựa. Bằng một giọng buồn buồn, Quý nói với cha:

– Chỉ trong vòng nửa đêm, người ta đã đi xa bằng mấy trăm dặm. Qua giấc ngủ đêm nay, sáng ra kẻ đồng hương của chúng mình sẽ không đoán ra là mình đang ở cõi trời nào! Nghĩ cũng buồn!

Thật ra, lúc bấy giờ Quý đang nghĩ tới Ánh Mai, người bạn gái đã khiến cho tuổi mười sáu của Quý vương nhiều kỷ niệm.

Chiếc xe bỗng lên như thuyền gặp con sóng lớn. Quý

nói một câu để phá tan nỗi buồn dằng dặc⁽¹⁾ đang gặm nhấm⁽²⁾ lòng mình:

– Đường xấu quá! Cứ thế này mãi tới sáng, con sẽ mưa hết mặt xanh.

Phú trao chai dầu nhỏ, bảo Quý:

– Con thoa vào lưỡi một chút cho ấm ruột. Ba cũng thấy khó chịu lắm.

Quý âu yếm nhìn cha, tỏ dấu cảm ơn.

Gần bốn giờ sáng, đoàn xe mới tới Strungtreng, nhưng không nghỉ lại tỉnh này.

Từ đây xe chạy hết tốc lực cho kịp tới Khône trước sáng để phòng ngừa những trận oanh kích dọc đường.

Là vì sau trận đánh thứ nhì ở Phi Luật Tân, thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ lên đảo Leyte thì trên không phận Thái Bình Dương, phi đội Đồng Minh hoàn toàn làm bá chủ.

Đoàn xe đã bắt đầu đi vào quãng đường số 13, một con đường làm bằng mồ hôi và nước mắt của một số nhân công Việt Nam gần mười năm về trước.

Năm 1935, viên toàn quyền René Robin muốn giữ lại món tiền của chánh phủ đã trợ cấp hàng năm cho hãng Tây Cống luân thuyền⁽³⁾, hãng này có gần 50 chiếc tàu vận tải xuôi, ngược giòng sông Mékong, độc quyền trên con đường thủy Sài Gòn – LuangPrabang nên đã mở mang con đường số 13. Hai năm sau con đường dài 1.500 cây số đã

(1) *Dau dặc* (sic). Lỗi morasse?

(2) Pn. *Gặm nhấm*.

(3) Société Saigonaise de Navigation et de Transports (LVS).

hoàn thành trên sức tưởng tượng của mọi người. Gay go nhất là đoạn đường từ Paksé lên Savannakhet. Sớ lục lộ phải bỏ con đường hẻm cũ, phóng một con đường mới. Sáu ngàn phu Việt Nam cong lưng khuân đá đắp đường trên quang rừng dài 247 cây số trong một đoạn thời gian dài mưa, nắng. Nước không đủ uống, thuốc không đủ dùng. Nhiều người mòn sức vì sơn lam, chương khí.

Qua mùa mưa, nước trút xuống vuốt mặt không kịp. Vất bò nghinh ngang khắp rừng, bám đầy trên mình bọn phu mộ khốn khổ và hút máu họ cho đến khi no bằng chiếc đũa con mới chịu nhả ra. Ban đêm tiếng muỗi kêu nghe ghê sợ hơn tiếng thác đổ. Bệnh rét rừng thành một thứ bệnh kinh niên và bất trị.

Nhiều người đã nghĩ xa rằng: Con đường này sẽ đem sự phồn vinh vào xứ Ai Lao, và thành ra con đường độc đạo núp sau lưng dãy Trường Sơn cho dễ bề tiếp viện khi mặt biển bị uy hiếp. Người ta nghĩ như vậy, nhưng khi quân Nhật vào Đông Dương không do đường biển mà lại từ Trung Hoa vượt biên giới tràn vào, thì con đường số 13 thành ra vô dụng về mặt quân sự.

Mờ sáng hôm sau, đoàn xe đã đi vào địa phận Hạ Lào.

Quý không biết mình đã ngủ thiếp đi trong bao lâu, khi giựt mình mở mắt ra thì tiếng máy đã tắt. Quý dụi mắt ngơ ngác nhìn mọi người đang rộn rịp trèo xuống xe.

Phú hỏi vợ và con:

– Sắp đặt đồ đạc gọn ghè rồi xuống. Chúng ta sẽ nghỉ trọn ngày nơi đây.

– Đây là đâu ba?

– Khône.

Quý lẳng tai nghe tiếng thác đổ rào rào và nhớ lại lúc còn bé mình đã học chuyện “thác Khône” trong sách quốc văn giáo khoa thư, bây giờ mới thật là lúc Quý nghe tận tai, thấy tận mắt.

Tỉnh Khône, nằm gần giáp giới Miên, Lào. Diện tích 1.200 cây số vuông, mà một phần ba gồm nhiều cù lao và thác. Người Lào gọi là “Si-Phan-Đôn”⁽¹⁾.

Tỉnh nhỏ. Đường phố vắng vẻ.

Liền ngay tỉnh, có ba cái thác lớn, đường lối rất dễ đi. Thác “Somphanit” hay cửa “Vũ môn tam cấp”, mùa nắng nước xanh leo lẻo, bò qua gộp đá róc rách, tiếng réo không ồ ạt như trong mùa nước lũ.

Thác “Bạch Tượng” hay “Sang-Phueuk”⁽²⁾ rất thanh tú về mùa khô (mùa nắng) nhưng từ tháng bảy đến tháng chạp nước tràn lên trông ngợp mắt. Những xác cây mục có khi bị tung lên cao và rơi vào những lồm nước xoáy điên cuồng rồi mất tích. Vất trong rừng bò ra đầy lối đi. Nhiều chỗ nước ngập thành vũng không lường được sự sâu, cạn.

Đẹp nhất có lẽ là thác “Phapheng”. Từ mặt thác xuống vực sâu, nước rót thành bức màn dài muông tượng như có một người khổng lồ đứng trên mái cao trút xuống gành sâu, từ đời này qua đời nọ mà không bao giờ chán.

Chỗ này tập nập khách du.

Dưới chân thác, có một cái nhà “thủy tạ”. Người ngồi đối trước cảnh nước đổ dạt dào, ngỡ rằng mình đã nghe

(1) Tỉnh có 4000 cù lao (LVS).

(2) Chute de l'éléphant blanc (LVS).

tiếng reo hò của muôn ngàn binh tướng và tiếng vó ngựa dầm nát sa trường, thuở Xuân thu, Chiến quốc.

Buổi sáng hôm ấy, Quý mãi vui với cảnh lạ mà quên ngủ. Cậu dạo quanh phố một vòng rồi đi xem thác nước.

Trước hết, Quý viếng cái thác gần nhất là thác “Vũ Môn”. Quý có nhiều cảm giác rất ngộ nghĩnh khi đứng trước cảnh nước, trời hùng vĩ. Trên giòng thác đổ, vài cánh chim nhỏ lượn lơ trên bọt nước trắng. Tiếng nước rền rĩ như một lời thở than bất tuyệt.

Hồi ấy, toàn cõi Đông Dương đã lọt vào tay quân đội Phù Tang; nên trong số khách du không có bóng người Pháp. Đông nhất là Việt Nam, Lào, Miên và quân nhân Nhứt.

Tối hôm ấy, Quý chong đèn định viết nhiều bức thư thật dài cho những bạn thân nhất ở Sài Gòn để tỏ nỗi lòng khách địa.

Hi hoáy thế nào, Quý lại viết thư cho Ánh Mai trước hết. Quý cầm bút ngơ ngẩn trước đèn không biết phải nói những gì để tả hết những xúc cảm của ngọn trào lòng. Bỗng Quý nghe tiếng cha bảo:

– Quý, con! Lấy cho ba một cái bao thư và đề như vậy: Ông Phan Ngọc Tuy, sở Tào Tác, Paksé. Ba cần gởi gấp cho chú Tuy cái thư này.

Chị Phú hỏi:

– Lại phải đi Paksé?

– Đi Paksé, ở đây không thể nào mộ phu được. Với số phu có sẵn, chẳng thấm vào đâu. Chúng mình phải nhờ chú Tuy mới được. Chú ấy đã dặn trong thư: *Mọi việc đều có chú ấy.*

- Anh Tùy là người thế nào?
- Một người bạn cũ rất thân.
- Vậy chừng nào khởi hành đi Paksé?
- Sáng mốt...

Quý ông viết. Trước mắt cậu phảng phất một con đường cheo leo đang đổ dài ra dưới nắng.

*
* *

Paksé, một ngày hè, năm Ất Dậu.

Bạn Ánh Mai,

Tôi định viết thư cho Mai khi mới tới Khône. Nhưng rồi không viết được vì còn phải lo đi nơi khác. Vậy khi Mai được thư này có lẽ tôi sẽ không còn ở tỉnh Paksé nữa. Hiện cả gia đình chúng tôi đang ở tại nhà chú Tùy, một viên chức cao cấp của sở Tạo Tác trong tỉnh này. Chú Tùy không vợ, không con, sống một mình trên một chiếc nhà sàn rộng rãi. Chúng tôi đã mang sự ấm cúng từ quê hương sang đất lạ cho chú Tùy. Thấy mặt chúng tôi, chú rất cảm động vì chú xa quê hương có trên mười năm rồi. Nhưng chú không hề nghĩ tới buổi hồi hương, mặc dầu ở một miền quê Thanh Vị, thuộc quận Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa, chú còn mẹ già đang trông đợi chú. Đừng hỏi chú vì sao lại không về, chú sẽ lắc đầu không nói.

Hiện nay, chú Tùy đang vận động cho ba tôi năm người cai Lào. Năm người này sẽ mộ giúp ba tôi một số phu độ ba ngàn người. Trong vòng một tuần, cả gia đình chúng tôi và có lẽ sẽ có cả chú Tùy nữa, sẽ vào ở hẳn trong một miền rừng, núi cho tiện bề làm việc.

Theo lời ba tôi thì sở không quân Nhựt sẽ lập rất nhiều phi trường ở các nơi hiểm hóc trong nước. Những sân bay này sẽ làm nơi hạ cánh và cất cánh cho phi công Nhựt khi các phi trường lớn mất.

Công việc làm sẽ vô cùng gay go, tốn rất nhiều tiền và sức khỏe. Chuyện ấy, sau này tôi sẽ thuật lại cho Mai biết, nếu tôi còn có thể liên lạc với Mai.

Còn Mai, vì sanh trưởng trong đất nước Việt Nam, nên chưa bao giờ có dịp về thăm quê mẹ. Mai nghĩ thế nào về những tỉnh thành lớn ở Lào?

Khi tôi mới tới đây, tôi có cảm tưởng như lạc vào một tỉnh thành xa xuôi với những sắc dân lạ. Đàn ông vận váy, mặc áo “bành tô”, đội nón hoặc che dù đi nhón nhơ ngoài đường. Đàn bà và con gái mà người Lào gọi là “Phù sáo” thì phần đông hót tóc ngắn, mặc một cái “sín” rất đẹp. Áo mặc bó sát lấy mình bày những cánh tay trần hung hung như màu gạch non.

Một số “Phù sáo” lại hút thuốc lá quấn tròn to như những điếu “xì gà” và bới tóc nằm trể sang một bên trông rất dài các.

Tỉnh Paksé nằm dựa sông Mékong có thể nói là một tỉnh lớn sau Vientiane và Luangprabang. Từ khi có con đường số 13, người Nam sang đây lập nghiệp rất nhiều. Họ đã bỏ tiền ra làm một cái nghĩa địa riêng lấy tên là “Việt Nam nghĩa địa” cũng như “Ấn kiều nghĩa địa” ở Sài Gòn mà người mình gọi là “đất thánh chà” vậy.

Ngay hôm bữa mới tới đây, tôi đã đi thăm sân vận động Paksé vì Mai còn lạ gì tánh tôi, ham đá banh như con nít ham bánh. Tối lại, tôi đi xem buổi chớp bóng đặc biệt do

người Nhựt tổ chức. Buổi hát không có gì đáng nói. Đó là một phim cũ có tánh cách cổ động cho bộ hải quân Nhựt.

Có thể nói Mai là một “cánh hoa Lào” đã nở ra trên đất nước người Việt, vì vậy nên Mai chưa thấy những cánh chùa chiền ở Lào.

Ngay trong tỉnh Paksé, có một ngôi chùa thật đẹp, lộng lẫy không kém nhà thờ Gia Tô. Người Lào như người Miên, vốn sùng mộ Phật giáo nên cánh chùa lúc nào cũng tấp nập khách dưng hương.

Trên Phật điện, một pho tượng Thích ca bằng đồng đó quán ngang vai một lớp vải vàng, mắt mở he hé, miệng chum chim cười, thật rõ một đấng từ bi đang nhìn xuống đám chúng sanh đau khổ.

Khác với những sư ông, sư cụ ở Việt Nam, những “chầu hua”⁽¹⁾ không xa lánh trần tục. Họ sống chung nhau trong một dãy nhà dài cất bên hông chùa. Một phần đông là những “thầy sãi” ở miền xa tới trú ngụ.

Ở Lào “chầu hua” phần nhiều là những gã con trai nhà giàu “đi tu” để sám hối cho cha mẹ vừa mới mất.

Cũng nên nói sơ qua cho Mai biết tục “hóa táng” của người Lào. Ở xứ “Vạn tượng” này, trong mỗi gia đình, khi có người chết, thì tang gia quàng thầy ma của thân nhân mình để nằm giữa nhà. Nhà nghèo làm đám tang nhỏ, quàng độ năm ngày thì làm lễ đốt quan tài. Nhà giàu quàng thân nhân mình lâu hơn, có khi hằng tháng. Từ những “bán”⁽²⁾ xa, trai, gái kéo về rất đông. Đêm đêm, họ bày cuộc ăn chơi, nhảy múa quanh quan tài của người chết.

(1) Thầy chùa (LVS).

(2) Làng (LVS).

Trước khi làm lễ “hóa táng”, người con trai lớn mở nắp quan tài rửa mặt người chết bằng nước dừa và nhìn mặt lần cuối cùng trong khi các nhà sư rì rầm “tu lị... tu lị chuật đà sa phạ” mắt nhắm nghiền, tỏ vẻ đau đớn trước con tử biệt.

Xong xuôi, thân nhân người chết bỏ chung quanh quan tài mỗi người một nắm củi khô. Lễ hóa táng bắt đầu. Mùi khét xông lên ngợp mũi. Những người còn lại cất tiếng khóc áo não bên văng lửa đỏ.

Sau đám hóa táng, người con trai lớn trong gia đình bỏ nhà đi tu. Họ gởi thân trong chùa tháng này qua tháng nọ. Trong thời gian đi tu họ được phép châu du khắp miền nước non thanh tú. Chân không, đầu trần, mình quấn vải vàng, họ đi hết làng này qua làng nọ.

Dọc đường họ được những người mộ đạo quỳ ở các ngã ba dâng lễ vật gọi là “pay khum bát”. Gặp các cô “phù sáo”, họ có quyền theo về ở luôn nhà các cô nếu họ muốn.

Ngoài tục “hóa táng” còn có tục thủy táng. Đó là những trường hợp phi thường⁽¹⁾. Người chết bị xô xuống sông mất xác.

Mái nói đông dài mà quên hỏi thăm Mai độ này có được mạnh giỏi không. Học hành có mòi⁽²⁾ tấn phát hơn trước? Bạn bè cũ có ai bỏ trường như tôi không?

Có một đêm, ngồi trên gác, nhìn ra sông rộng đen ngòm, nghe tiếng sóng róc rách làm lắc lư những đóm lửa chài, hồn cố hương như bị lay động đến cực điểm.

(1) Nên hiểu theo nghĩa: kỳ lạ, khác thường.

(2) Pn. Dấu hiệu, vẻ.

Cũng bến tàu, cũng sông rộng. Nhưng mùi gió nghe chùng đã lạ. Mùi hương đồng thơm tho, lúa đồng ngọt dịu của miền Nam thân yêu bị thổi ngược chiều. Ở đây chỉ có gió hanh trộn mùi cây khô, lá mục. Tôi thềm những tiếng rao ngọt ngào: "Ai... chè đậu xanh không?" Nhưng cánh lạ dường như không muốn đãi người mới. Lòng tôi trống lạnh tựa một gian nhà hoang, từ lâu thiếu ngọn đèn gia tiên ấm áp.

Đêm nay là đêm nào? Mai có được yên giấc không? Riêng tôi, tôi muốn thức suốt đêm bên đèn để cho tình quê làm man mác con tim.

Trông thơ phúc đáp của Mai.

Thân ái,

Quý

Viết thêm: Dầu tôi có xa Paksé, Mai cũng cứ do địa chỉ này: Ô. Phan Ngọc Tuy, số Tạo tác, Paksé (Laos). Dưới thêm: xin chuyển thư tận tay Quý.

*

* *

Paksé, ngày.... tháng....năm Ất Dậu

Ánh Mai bạn thân yêu,

Lá thư trước tôi viết cho Mai, có lẽ chưa tới, tôi lại viết tiếp cho Mai bức thư này nữa. Là vì bắt đầu ngày mai, tôi đã theo chú Tuy và ba, má tôi cùng tám trăm phu vừa cũ, vừa mới vào rừng lãnh việc.

Hai ngày qua rồi, chúng tôi phải dùng xà lúp máy qua một quãng sông rộng và đi bộ ngược lên ngót 10 cây số mới tới nơi đã vẽ trong bản đồ. Nói chuyện qua sông, tôi xin lỗi Mai, cho tôi được nói đông dài với Mai một lần nữa cũng như trong thư trước tôi đã nói về tục "hóa táng".

Mai ơi! Mai là con gái của một người mẹ Lào, nhưng Mai chưa bao giờ vận áo cánh, mặc “sin”⁽¹⁾ như các cô “phù sáo” ở xứ bí mật này. Cho nên Mai chưa bao giờ được qua sông bằng thuyền độc mộc. Thuyền độc mộc là thứ ghe mình thon như xuồng “ba lá”. Nhưng khác hơn xuồng “ba lá”, thuyền “độc mộc” là thân cây tròn cưa ra và nạo lòng sâu xuống thành lườn. Không quen ngồi thứ xuồng độc mộc này, khách đi trên sông sẽ phải trải qua nhiều chuyển hồi hộp, vì thuyền rất nhẹ, đi rất mau mà hay chòng chành.

Ước sao cho Mai được về thăm quê mẹ trong một ngày gần đây. Mai và tôi sẽ dùng thuyền độc mộc dong chơi trên sông trắng, những chiều im gió. Mai có bao giờ nghĩ tới ngày về quê mẹ. Ở đây “phù sáo” rất tự do. Họ được phép nói chuyện với bạn trai. Và khi có một người con trai đến thăm thì người tiếp chuyện lại là người con gái; ông, bà chú nhân sẽ lui vào trong buồng bầu không khí tự do và thân mật lại cho con gái mình với khách.

Nhắc lại chuyện tôi theo chú Tuy và ba tôi dưới sự hộ tống của bốn người lính Nhựt. Lần thứ nhất, tôi lội rừng, nhưng cũng chưa nhọc lắm, vì trước khi chọn chỗ này làm căn cứ không quân tạm thời, bộ tham mưu Nhựt đã thuê người dọn đường đi sạch sẽ rồi.

Mùa này là mùa lá chết. Lá khô tua tủa rụng xuống như những lá cờ nhỏ, vẫy mình giữa bao la gió. Chúng tôi giẫm lên lá ú như đi trên một lớp chiếu trải đường. Nhánh khô khua dòn dưới gót giầy đinh của bốn người lính Nhựt. Một lát sau chúng tôi tới nơi. Ấy là một khoảnh đất trống, loạn những tranh, để và hầm hố.

(1).Cái chân hay váy (LVS).

Muốn làm cho mảnh đất này quang sạch, phải đốt tranh và đế; sau đó phu mộ sẽ dùng cuốc, rìu và cưa, đốn cây đứng bơ vơ giữa cái sân bay tương lai. Khi cây ngã xuống, phải dùng những "tiểu phu" giỏi việc "dọn gốc" cho cây mát rễ. Gặp gò thì san bằng. Những chỗ nào có hố thì phải lấp đầy bằng đá và đất.

Trong khi làm những công việc ấy, nhà sàn phải được dựng gấp cho cai thầu có nơi ăn, chốn ở làm việc, khói phải ngược ra làng, mát thì giờ và trễ việc. Luôn luôn phải có thuốc ký ninh phát cho phu giữa rét.

Ba tôi tính mở một cái nhà thương nhỏ dưới sự trông nom của một bác sĩ Nhật, hoặc một lương y Lào hay Nam. Đó là công việc xem như là thừa, nhưng thật ra rất cần thiết. Là vì con người phải mạnh giỏi mới làm "chạy việc". Lo lắng cho sức khỏe của phu là một điều hay vậy.

Nói về phu mộ, tôi cũng cần nói cho Mai rõ sự khó khăn của "cai thầu" là thế nào. Số người tình nguyện đi làm rất ít. Một phần đông bị bắt huộc, bị hăm dọa bằng vũ khí nên không dám từ chối. Việc "bắt sâu" (corvée) này do nhà binh Nhật chủ trương. Họ ra lệnh "tổng động viên" những trai tráng trong làng; mỗi người đi làm mười ngày, được tiền phụ cấp gia đình và thuốc men đầy đủ. Tuy vậy rất ít người muốn đi lắm.

Ba tôi thuật lại chuyện đi "bắt sâu" người Kha mà bắt" rừng mình. Lần ấy bọn cai thầu, chú Tuy, ba tôi và năm người lính Nhật tương đầu đã bó xác giữa rừng.

Người Kha hiệp cùng bọn Mọi Stiêng nổi loạn chống

(1) Pn. Thấy.